

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA

**ĐỀ ÁN**  
**CHUYỂN ĐỔI SỐ HUYỆN ỨNG HÒA**  
**GIAI ĐOẠN 2025-2030**

Ứng Hòa, năm 2024

## MỤC LỤC

### Contents

<b>PHẦN I</b> .....	<b>8</b>
<b>CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN</b> .....	<b>8</b>
1. Sự cần thiết xây dựng đề án .....	8
1.1. Định nghĩa Chuyển đổi số .....	8
1.2. Sự cần thiết xây dựng đề án chuyển đổi số.....	8
2. Cơ sở pháp lý xây dựng đề án .....	10
3. Phạm vi, đối tượng của Đề án .....	13
3.1. Phạm vi của Đề án .....	13
3.2. Đối tượng của Đề án .....	13
<b>PHẦN II</b> .....	<b>14</b>
<b>BỐI CẢNH CHUNG VỀ TÌNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ</b> .....	<b>14</b>
<b>TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC</b> .....	<b>14</b>
1. Bối cảnh quốc tế.....	14
2. Bối cảnh trong nước .....	14
2.1. Thành tựu phát triển kinh tế-xã hội .....	14
2.2. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và chuyển đổi số	16
2.3. Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	17
2.3.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025 .....	17
2.3.2 Mục tiêu cơ bản đến năm 2030 .....	18
2.4. Chuyển đổi số thành phố Hà Nội.....	19
2.4.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025 .....	19
2.4.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030.....	19
2.4.3. Kết quả nổi bật .....	20
<b>PHẦN III</b> .....	<b>22</b>
<b>TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI HUYỆN ỨNG HÒA</b> .....	<b>22</b>
<b>VÀ HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b> .....	<b>22</b>
<b>TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ỨNG HÒA</b> .....	<b>22</b>
1. Điều kiện tự nhiên .....	22
1.1. Vị trí địa lý: .....	22
1.2. Đặc điểm địa hình .....	23

1.3. Về phát triển kinh tế - xã hội.....	23
2. Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn Huyện.....	24
2.1. Về nhận thức, thể chế, môi trường pháp lý triển khai công nghệ thông tin và truyền thông .....	24
2.2. Về hạ tầng kết nối .....	25
2.3. Hạ tầng kỹ thuật chung: .....	26
2.4. Hiện trạng của các phòng, ban:.....	27
2.4.1. Hiện trạng của phòng Quản Lý Đô Thị. ....	27
2.4.2. Hiện trạng của phòng Giáo Dục Đào Tạo.....	27
2.4.3. Hiện trạng của phòng Y Tế.....	28
2.4.4. Hiện trạng của phòng Lao Động Thương Binh Xã Hội .....	28
2.4.5. Hiện trạng của phòng Văn Hóa Thông Tin.....	29
2.4.6. Hiện trạng văn phòng Huyện Ủy .....	29
2.4.7. Hiện trạng của Phòng Kinh Tế.....	29
2.4.8. Hiện trạng văn phòng UBND .....	29
2.4.9. Công an Huyện.....	30
2.5. Về dữ liệu số .....	30
2.6. Về ứng dụng.....	31
2.7. Về đảm bảo an ninh mạng.....	35
2.7.1. Phê duyệt cấp độ các hệ thống thông tin .....	36
2.7.2. Triển khai mô hình 4 lớp.....	36
2.7.3. Gán nhãn tín nhiệm mạng .....	36
2.7.4. Đánh giá chung .....	36
2.8. Về nhân lực CNTT.....	37
2.9. Thực trạng công tác chuyển đổi số tại các xã, thị trấn: .....	37
2.9.1. Phát triển chính quyền số:.....	37
2.9.2. Phát triển kinh tế số:.....	38
2.9.3. Phát triển xã hội số:.....	38
2.9.4. Đánh giá chung: .....	38
3. Đánh giá lại kết quả chuyển đổi số của huyện theo chỉ tiêu, nhiệm vụ của Thành phố; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung.....	39
3.1. Về chỉ tiêu Thành phố giao .....	39
3.1.1. Chính quyền số: .....	39
3.1.2. Về xã hội số: .....	39

3.1.3. Về chỉ tiêu số hoá, lưu trữ điện tử: .....	40
3.2. Về nhiệm vụ do Thành phố giao:.....	40
3.2.1. Phát triển chính quyền số, xây dựng Thành phố thông minh: .....	40
3.2.2. Phát triển hạ tầng số:.....	40
3.2.3. Phát triển nền tảng, hệ thống: .....	41
3.2.4. Phát triển dữ liệu số: .....	41
3.2.5. Phát triển ứng dụng, dịch vụ: .....	41
3.2.6. An toàn thông tin mạng: .....	42
3.2.7. Phát triển kinh tế số và xã hội số: .....	42
3.2.8. Phát triển xã hội số:.....	44
<b>PHẦN IV .....</b>	<b>47</b>
<b>TẦM NHÌN, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU .....</b>	<b>47</b>
1. Tầm nhìn đến năm 2030 .....	47
2. Quan điểm .....	47
2.1. Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số.....	47
2.2. Người dân là trung tâm của chuyển đổi số. ....	47
2.3. Chính sách và công nghệ là động lực của chuyển đổi số. ....	48
2.4. Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả. ....	48
2.5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số.....	48
2.6. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số. 49	
3. Mục tiêu .....	49
3.1. Mục tiêu tổng quát. ....	49
3.2. Mục tiêu cơ bản.....	50
3.2.1. Mục tiêu đến năm 2025.....	50
<b>PHẦN V .....</b>	<b>54</b>
<b>NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN HUYỆN ỨNG HÒA .....</b>	<b>54</b>
1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số .....	54
1.1. Chuyển đổi nhận thức .....	54
1.2. Kiến tạo thể chế .....	54

1.3. Phát triển hạ tầng số.....	55
1.4. Phát triển nền tảng số.....	56
1.5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng.....	56
1.6. Phát triển nguồn nhân lực .....	56
1.7. Các nhiệm vụ, giải pháp khác cần triển khai đến năm 2025 .....	57
2. Phát triển Chính quyền số .....	60
3. Phát triển Kinh tế số .....	60
4. Phát triển Xã hội số.....	60
<b>PHẦN VI .....</b>	<b>62</b>
<b>CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN .....</b>	<b>62</b>
1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Hộ tịch tư pháp:.....	62
2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục:.....	62
3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế: .....	63
4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp.....	63
5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch .....	64
5.1. Phát triển thông tin quảng bá du lịch .....	64
5.2. Nâng cấp hệ thống dịch vụ phục vụ du lịch.....	64
6. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực khác .....	65
<b>PHẦN VII.....</b>	<b>66</b>
<b>KINH PHÍ THỰC HIỆN .....</b>	<b>66</b>
<b>PHẦN VIII .....</b>	<b>66</b>
<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>	<b>66</b>
1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số toàn diện huyện Ứng Hòa .....	66
2. Phòng Văn hoá và Thông tin .....	66
3. Văn phòng HĐND&UBND huyện.....	67
4. Phòng Tài chính và Kế hoạch.....	67
5. Các Phòng, Ban, đơn vị trực thuộc UBND huyện; các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan.....	67
6. Các Doanh nghiệp Công nghệ thông tin và Viễn thông .....	68
<b>PHẦN IX .....</b>	<b>69</b>
<b>TÍNH KHẢ THI VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN .....</b>	<b>69</b>
1. Tính khả thi của đề án .....	69
2. Hiệu quả của đề án.....	70
2.1. Hiệu quả quản lý nhà nước .....	70

2.2. Hiệu quả về mặt kinh tế .....	70
2.3. Hiệu quả về mặt xã hội .....	71
2.4. Tác động của chuyển đổi số đến cuộc sống.....	72
<b>PHẦN X.....</b>	<b>73</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>73</b>
<b>PHỤ LỤC 1 .....</b>	<b>74</b>
<b>PHỤ LỤC 2.....</b>	<b>77</b>
Lộ trình triển khai Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số .....	77
<b>PHỤ LỤC 3 .....</b>	<b>82</b>

### GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ, TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Giải thích
1.	HĐND	Hội đồng nhân dân
2.	UBND	Ủy ban nhân dân
3.	CNTT	Công nghệ thông tin
4.	CBCC	Cán bộ công chức
5.	Kiến trúc ICT	Kiến trúc Công nghệ thông tin và truyền thông
6.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
7.	IoT	Internet vạn vật
8.	TTHC	Thủ tục hành chính
9.	DVC	Dịch vụ công
10.	BHYT	Bảo hiểm y tế
11.	GTVT	Giao thông vận tải
12.	TNMT	Tài nguyên và môi trường
13.	OCOP	Mỗi xã một sản phẩm
14.	GIS	Hệ thống thông tin địa lý
15.	ĐTTM	Đô thị thông minh

## PHẦN I

### CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

#### 1. Sự cần thiết xây dựng đề án

##### 1.1. Định nghĩa Chuyển đổi số

- Chuyển đổi số<sup>1</sup> là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số.

Tổng thể nghĩa là mọi bộ phận. Toàn diện nghĩa là mọi mặt. Đây là sự sáng tạo phá hủy, mang tính tiến hóa. Đây cũng là sự khác biệt giữa ứng dụng CNTT và chuyển đổi số. Ứng dụng CNTT là tối ưu hóa quy trình đã có, theo mô hình hoạt động đã có, để cung cấp dịch vụ đã có. Còn chuyển đổi số là thay đổi quy trình mới, thay đổi mô hình hoạt động mới, để cung cấp dịch vụ mới hoặc cung cấp dịch vụ đã có theo cách mới.

Chuyển đổi số không phải chỉ là vấn đề công nghệ mà còn là vấn đề nhận thức và thói quen.

- Xã hội số, cùng với chính phủ số và kinh tế số tạo thành ba trụ cột của một quốc gia số.

+ Chính phủ số chuyển mọi hoạt động của Chính phủ lên môi trường số, hoạt động dựa trên dữ liệu và cung cấp thêm các dịch vụ mới. Khác biệt cốt lõi của Chính phủ số so với Chính phủ điện tử là sử dụng dữ liệu để ra quyết định, coi dữ liệu là một tài nguyên mới, đó là chuyển đổi về cách thức, ra quyết định của cơ quan chính phủ dựa trên báo cáo bản giấy sang dữ liệu phân tích định lượng và tổng hợp từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau. Đó là sự kết nối và chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước để người dân chỉ cần cung cấp thông tin 01 lần cho cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng dữ liệu này để cung cấp thêm các dịch vụ mới.

+ Kinh tế số là nền kinh tế dựa trên công nghệ số và nền tảng số, với các hoạt động kinh tế về và bằng công nghệ số và nền tảng số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành trên internet.

+ Xã hội số, xét theo nghĩa rộng, là bao trùm lên mọi hoạt động của con người. Động lực chính của xã hội số là công nghệ số, dựa trên sự tăng trưởng thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, làm thay đổi mọi khía cạnh của tổ chức xã hội, từ chính phủ, kinh tế cho tới người dân. Xã hội số, xét theo nghĩa hẹp, gồm công dân số và văn hóa số.

##### 1.2. Sự cần thiết xây dựng đề án chuyển đổi số

Tại Việt Nam, chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước, trong các ngành, lĩnh vực đã bắt đầu diễn ra nhưng chưa mang tính toàn diện, rộng rãi và chuẩn

---

<sup>1</sup> Theo Cẩm nang Chuyển đổi số

hóa. Chính phủ và chính quyền các cấp đã và đang xây dựng chính phủ điện tử/chính quyền điện tử. Một số thành phố/đô thị đã bước đầu ban hành đề án/kế hoạch để triển khai xây dựng thành phố thông minh.

Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” để triển khai Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ. Sau đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp 4.0 đến năm 2030 tại Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 và Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021. Tới ngày 24/9/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1619/QĐ-TTg về việc Kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử.

Chuyển đổi số là một nội dung, giải pháp chính để chủ động tham gia, hội nhập xu hướng phát triển của thế giới. Trước mắt là để chính phủ, chính quyền, doanh nghiệp, xã hội không tụt hậu, mà thay vào đó tận dụng được xu thế, công nghệ cho phát triển thịnh vượng, tăng khả năng cạnh tranh, và tạo ra giá trị cao cho nền kinh tế- xã hội. Chương trình chuyển đổi số quốc gia đã xác định tầm nhìn đến năm 2030 là “Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong và thử nghiệm các mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp” với mục tiêu kép là “vừa phát triển Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu”.

Đồng thời Chương trình xác định: Chuyển đổi toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số; coi chuyển đổi số là bắt buộc, mang tính mặc định; Cơ quan nhà nước sử dụng công nghệ số và dữ liệu số để ra quyết định, kiến tạo phát triển và quản lý kinh tế - xã hội hiệu quả hơn, dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số; Phát triển Chính phủ số gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ chủ quyền số quốc gia. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tập trung triển khai chuyển đổi số trên 03 trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số và 10 lĩnh vực ưu tiên gồm y tế, giáo dục, nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, GTVT và logistics, năng lượng, Tài nguyên môi trường, sản xuất công nghiệp, xây dựng, du lịch; xác định 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số bao gồm: Chuyển đổi nhận thức; Xây dựng cơ chế chính sách; Phát triển hạ tầng số; Phát triển dữ liệu; Xây dựng nền tảng số; Bảo đảm an toàn, an ninh mạng; Hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo; Phát triển nguồn nhân lực.

Doanh nghiệp Việt Nam phần lớn có trình độ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo còn thấp, có 80% đến 90% máy móc sử dụng trong các doanh nghiệp Việt Nam là nhập khẩu, gần 80% là những công nghệ cũ từ thập niên

1980-1990. Chính vì vậy, các doanh nghiệp Việt Nam đang đối mặt với những rào cản trong quá trình ‘Chuyển đổi số’ như: thiếu kỹ năng số và nhân lực, thiếu cơ sở hạ tầng, thiếu nền tảng kỹ thuật số đủ mạnh để cho phép chuyển đổi kỹ thuật số, thiếu tư duy kỹ thuật số.

Thế giới đang bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, các quốc gia trên thế giới đang tiến hành thúc đẩy ‘Chuyển đổi số’, Việt Nam không đứng ngoài xu thế đó, việc tiến hành tốt ‘Chuyển đổi số’ sẽ giúp Việt Nam chủ động trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, hướng tới quốc gia thông minh.

Thành uỷ Hà Nội cũng đã ban hành Nghị quyết 18-NQ/TU ngày 30/12/2022, trong đó mục tiêu đến năm 2025: Thực hiện chuyển đổi số phát triển Thủ đô theo hướng thông minh, hiện đại; tạo điều kiện cho kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững. Hà Nội phấn đấu thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số. Đến năm 2030: Xây dựng Thủ đô Hà Nội cơ bản trở thành thành phố thông minh, hiện đại, từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới; Hà Nội duy trì và phấn đấu vị trí cao trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số; hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước, phát triển các dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp, khai thác dữ liệu như một nguồn tài nguyên mới để phát triển - kinh tế xã hội.

UBND Thành phố đã ban hành các văn bản về chuyển đổi số, cụ thể như: Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chương trình Chuyển đổi số Thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 27/9/2023 của UBND Thành phố về chuyển đổi số xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hàng năm về chuyển đổi số; Kế hoạch triển khai Đề án 06;

Đứng trước thời cơ và thách thức mới, huyện Ứng Hòa quyết tâm chọn chuyển đổi số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, tái định hình cách mọi người sống, làm việc và liên hệ với nhau. Đề án chuyển đổi số huyện Ứng Hòa đến năm 2025, định hướng sẽ phản ánh tầm nhìn, nhiệm vụ và giải pháp trong 10 năm tới để đẩy mạnh sáng tạo, phát triển đột phá công nghệ kỹ thuật số, từ đó thúc đẩy sự phát triển về kinh tế và xã hội của huyện Ứng Hòa.

## **2. Cơ sở pháp lý xây dựng đề án**

### **Văn bản Trung ương**

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW

ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ĐTTM bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 12/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ;

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

- Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030”;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

- Quyết định 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quyết định ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

- Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quyết định phê duyệt đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung Ương và của Quốc gia”;

- Quyết định số 38/QĐ-BTTTT ngày 14/01/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi IPv6 cho cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 142/TTg ngày 02/02/2024 của Chính phủ về việc Quyết định phê duyệt chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam;

- Công văn số 797/BTTTT-THH ngày 06/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022.

### **Văn bản địa phương**

- Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 30/12/2022 của Thành ủy về Chuyển đổi số, xây dựng TP Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chương trình Chuyển đổi số Thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND Thành phố về việc Quyết định ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu của thành phố Hà Nội.

- Quyết định 3478/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND Thành phố về việc ban hành Danh mục dữ liệu mở của thành phố Hà Nội.

- Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 27/9/2023 của UBND Thành phố về chuyển đổi số xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày về kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng thành phố Hà Nội.

- Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 08/02/2024 về Kế hoạch chuyển đổi số, xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2024.

- Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 12/4/2024 của UBND Thành phố về việc thực hiện Đề án 06 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

### **3. Phạm vi, đối tượng của Đề án**

#### **3.1. Phạm vi của Đề án**

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Tổng thể nghĩa là mọi bộ phận. Toàn diện nghĩa là mọi mặt. Do đó, phạm vi tác động của đề án bao gồm:

- Mọi bộ phận, mọi mặt trong cách làm việc của các cơ quan, đoàn thể thuộc hệ thống chính trị của huyện Ứng Hòa;

- Mọi mặt trong đời sống của công dân trên địa bàn huyện Ứng Hòa;

- Mọi bộ phận, mọi mặt trong phương thức sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Ứng Hòa.

#### **3.2. Đối tượng của Đề án**

Các đối tượng liên quan của Đề án là toàn bộ hệ thống chính trị, toàn bộ các doanh nghiệp và công dân sinh sống và làm việc tại huyện Ứng Hòa.

## PHẦN II

### BỐI CẢNH CHUNG VỀ TÌNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

#### 1. Bối cảnh quốc tế

Thế giới đang ở trong thời kỳ chuyển đổi số sẽ thay đổi hoàn toàn cách chúng ta sống và làm việc. Dữ liệu được chia sẻ với số lượng khổng lồ mỗi phút trên các website, giữa các tổ chức với nhau trên toàn thế giới. Sự bùng nổ của dữ liệu và những tiến bộ chưa từng có trong sức mạnh xử lý của máy tính đã tăng đáng kể khả năng hỗ trợ ra quyết định trong nhiều hoạt động. Thế giới đã dịch chuyển và dần tiến tới kỷ nguyên tự động hóa. Đây được gọi là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tác động của công nghệ tiên tiến đã ảnh hưởng đến hầu hết mọi ngành nghề và tổ chức ở nhiều cấp độ, từ lập chiến lược, tiếp thị cho tới quản lý chuỗi cung ứng và dịch vụ khách hàng.

#### 2. Bối cảnh trong nước

Chuyển đổi số tác động sâu rộng, bao trùm lên tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần tăng năng suất lao động, chuyển đổi mô hình hoạt động, kinh doanh theo hướng đổi mới sáng tạo, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của Quốc gia.

##### 2.1. Thành tựu phát triển kinh tế-xã hội

**- Kiểm soát tốt dịch bệnh, tạo điều kiện thuận lợi cho phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội**

Năm 2020, trước những diễn biến phức tạp, nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, cả hệ thống chính trị, toàn dân, toàn quân ta, nhất là các lực lượng tiền phương chống dịch, như: y tế, quân đội, công an, ngoại giao và các địa phương đã vào cuộc quyết liệt, cùng cả nước đoàn kết, đồng lòng, chung tay hành động, triển khai hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch. Nhờ đó, trong khi đại dịch COVID-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp trên toàn cầu, chúng ta đã kiểm soát, khống chế được dịch bệnh, không để lây lan trong cộng đồng; đồng thời đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hỗ trợ kịp thời nhiều nước trong phòng chống dịch. Tổ chức Y tế Thế giới, cộng đồng quốc tế đánh giá cao và cho rằng Việt Nam nằm trong số ít các quốc gia kiểm soát tốt dịch bệnh, có cách làm đúng, kịp thời, hiệu quả, chi phí thấp.

**- Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp**

Theo Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế-xã hội năm 2020 và 5 năm 2016-2020, Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016-2019 đạt khá cao, bình quân 6,8%/năm. Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, nhưng tăng trưởng 9 tháng vẫn đạt 2,12%, cả năm ước đạt 2-3%; là một trong những quốc gia tăng trưởng cao nhất trong khu vực và trên thế giới.

Sang năm 2021, GDP 9 tháng đầu năm chỉ còn tăng 1,42% so với cùng kỳ

năm trước khi diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... Trong đó riêng trong quý III/2021, ước tính GDP trong nước giảm đến 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất từ trước đến nay, với ảnh hưởng nặng nề nhất là khu vực dịch vụ với mức giảm 9,28%, công nghiệp và xây dựng giảm 5,02%.

Trong 5 năm qua, Việt Nam tạo ra hơn 1.200 tỷ USD giá trị GDP. Nền kinh tế Việt Nam đã tạo ra được hơn 8 triệu việc làm mới cho người dân, thu nhập bình quân của người dân tăng gần 145%. Quy mô GDP tăng 1,4 lần so với năm 2015; GDP bình quân đầu người 2020 ước đạt hơn 2.750 USD; năng suất lao động giai đoạn 2016-2020 tăng 5,8% vượt mục tiêu đề ra; chỉ số giá tiêu dùng giảm từ 18,6% năm 2011 xuống dưới 4% giai đoạn 2016-2020; xuất nhập khẩu tăng 1,7 lần, xuất siêu 5 năm liên tục; thương mại điện tử tăng 25%, trở thành một kênh phân phối quan trọng của nền kinh tế; du lịch tăng trưởng bình quân gần 30%/năm, đạt 18 triệu lượt khách quốc tế vào năm 2019, tăng hơn 10 triệu lượt so với năm 2015. Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020 tăng từ 176,58 tỷ USD năm 2016 lên gần 281,5 tỷ USD năm 2020. Tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 2016 -2020 đạt trung bình khoảng 11,7%/năm.

Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; năng suất lao động tăng bình quân 5,8%/năm, cao hơn nhiều so với giai đoạn 2011-2015. Nợ công giảm từ 63,7% GDP đầu nhiệm kỳ xuống còn 55% năm 2019, dưới ngưỡng an toàn do Quốc hội quy định.

Xây dựng nông thôn mới hoàn thành trước thời hạn gần 2 năm; đến cuối năm 2020 có khoảng 63% xã đạt chuẩn, vượt xa mục tiêu đề ra (50%). Nhiều địa phương đã nỗ lực vươn lên mạnh mẽ, đóng góp quan trọng vào thành tựu chung của đất nước.

### **- Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện**

Trong giai đoạn 2016 – 2020, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm mạnh, từ gần 10% năm 2015 xuống dưới 3% năm 2020. Diện bao phủ bảo hiểm xã hội được mở rộng, tăng hơn 1,3 lần so với năm 2015, chiếm gần 33% lực lượng lao động vào năm 2020.

Hệ thống y tế dự phòng và mạng lưới y tế cơ sở được củng cố; năng lực giám sát, dự báo, phát hiện và khống chế dịch bệnh được nâng lên. Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh trực tuyến, từ xa đã kết nối gần 30 bệnh viện tuyến trên với 1.200 cơ sở khám chữa bệnh trên toàn quốc, kể cả vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Tỷ lệ tham gia BHYT tăng từ 76,5% năm 2015 lên 90,7% năm 2020. Chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục đại học tiếp tục được nâng lên. Hình thức dạy và học trực tuyến được triển khai mạnh mẽ, nhất là trong thời gian giãn cách xã hội.

Phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam có những chuyển biến tích cực; Nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản thiên nhiên được thế giới công nhận. Đến nay, Việt Nam có hơn 68 triệu người sử dụng internet và

đang triển khai thử nghiệm mạng 5G. Chỉ số phát triển con người (HDI) liên tục được cải thiện, thuộc nhóm các nước có mức phát triển con người trung bình cao của thế giới.

Năm 2020, chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam xếp thứ 42/131, đứng đầu nhóm 29 quốc gia, nền kinh tế có cùng mức thu nhập; chỉ số phát triển bền vững tăng 39 bậc so với năm 2016, xếp thứ 49/166 quốc gia và vùng lãnh thổ. Chỉ số về xếp hạng môi trường kinh doanh tăng lên, từ thứ hạng 88/183 năm 2010 lên thứ hạng 70/190 năm 2019.

## **2.2. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và chuyển đổi số**

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân; đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội đất nước.

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu nắm bắt, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành chỉ thị về nâng cao năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành và địa phương đã xây dựng và triển khai thực hiện một số chính sách nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp CNTT, điện tử-viễn thông.

Cơ sở hạ tầng viễn thông được xây dựng khá đồng bộ. Kinh tế số được hình thành, phát triển nhanh, ngày càng trở thành bộ phận quan trọng của nền kinh tế; công nghệ số được áp dụng trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; xuất hiện ngày càng nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới, xuyên quốc gia, dựa trên nền tảng công nghệ số và Internet đang tạo nhiều cơ hội việc làm, thu nhập, tiện ích, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Việc xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số được triển khai quyết liệt, bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực.

Tuy vậy, mức độ chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của nước ta còn thấp. Cơ chế, chính sách còn nhiều hạn chế và bất cập. Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu.

Khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự là động lực phát triển kinh tế-xã hội; hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia mới được hình thành, chưa đồng bộ và hiệu quả.

Quá trình chuyển đổi số quốc gia còn chậm, thiếu chủ động do hạ tầng phục vụ quá trình chuyển đổi số còn nhiều hạn chế; nhiều doanh nghiệp còn bị động, năng lực tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại còn thấp. Kinh tế số có quy mô còn nhỏ. Việc đấu tranh với tội phạm, bảo đảm an ninh mạng còn nhiều thách thức.

Những hạn chế nêu trên có những nguyên nhân chủ quan và khách quan; trong đó, nguyên nhân chủ quan là chính. Nhận thức về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hệ thống chính trị và toàn xã hội còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa thống nhất. Khả năng phân tích, dự báo chiến lược về xu thế phát triển khoa học, công nghệ tác động đến đời sống kinh tế-xã hội của đất nước còn hạn chế.

Tư duy trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư chậm được đổi mới, sức ỳ còn lớn. Quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, chưa theo kịp diễn biến thực tế. Sự phối hợp giữa các ban, bộ, ngành, giữa Trung ương với các địa phương chưa chặt chẽ; nhiều khó khăn, vướng mắc chậm được tháo gỡ.

## **2.3. Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

### **2.3.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025**

#### ***a. Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động***

80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ý doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội;

50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

Việt Nam thuộc nhóm 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

#### ***b. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế***

- Kinh tế số chiếm 20% GDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%;
- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI);
- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh (GCI);
- Việt Nam thuộc nhóm 35 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII).

***c. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số***

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%;
- Việt Nam thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).

**2.3.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030**

***a. Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động***

100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;

70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

***b. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế***

- Kinh tế số chiếm 30% GDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%;
- Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI);
- Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh (GCI);
- Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII).

***c. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số***

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%;
- Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).

## **2.4. Chuyển đổi số thành phố Hà Nội**

### **2.4.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025**

#### **a) Về chính quyền số**

Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số hiện đại, an toàn đáp ứng các nhiệm vụ về chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh.

Phấn đấu 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, triển khai trên nhiều phương tiện hiện đại.

Triển khai tối đa các hoạt động, chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ, xử lý hồ sơ công việc được thực hiện trên môi trường mạng ở cả 3 cấp.

Phấn đấu hoàn thành từ 90% trở lên các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; bảo đảm kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, thống kê tổng hợp về dân số, tài chính, bảo hiểm...theo quy định; chia sẻ dữ liệu cung cấp dịch vụ công; hình thành hệ sinh thái chính quyền số, lấy sự phục vụ người dân, doanh nghiệp và người dân khai thác các nguồn tài nguyên dữ liệu mở để phát triển kinh tế - xã hội.

#### **b) Về kinh tế số**

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của thành phố Hà Nội khoảng 30%.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Năng suất lao động hàng năm tăng từ 7% - 7,5%

#### **c) Về xã hội số**

Phấn đấu 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; phủ mạng Internet băng rộng cáp quang tới 90% hộ gia đình. Tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

Phấn đấu 70% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản, làm nền tảng sử dụng dịch vụ số như: dịch vụ công trực tuyến; tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám, chữa bệnh từ xa, tiến tới 90% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.

80% đối với các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp và 70% các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hoá dữ liệu số, kho học liệu số mở.

### **2.4.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030**

#### **a) Về chính quyền số**

Duy trì và phấn đấu vị trí cao trong nhóm các địa phương dẫn đầu về phát triển chính quyền điện tử, xây dựng chính quyền số. Hoàn thành cơ bản chính quyền số; các hoạt động chỉ đạo, điều hành của Thành phố được thực hiện với sự hỗ trợ tích cực của hệ thống cơ sở dữ liệu số.

Cấp Thành phố đi đầu về xử lý hoàn toàn hồ sơ trên mạng, tiếp đó đến cấp huyện và cấp xã; 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, triển khai trên nhiều phương diện hiện đại; phần đầu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của Thành phố.

*b) Kinh tế số*

- Kinh tế số phát triển mạnh mẽ; phần đầu tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của thành phố Hà Nội trên 40%.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%

*c) Về xã hội số*

Các chỉ tiêu đến năm 2030 phần đầu tăng từ 20 -30% so với chỉ tiêu năm 2025, nhằm bảo đảm tối đa các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất, đào tạo để người dân được sử dụng các dịch vụ trên môi trường số góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô.

**2.4.3. Kết quả nổi bật**

Thành phố Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước ban hành Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 quy định việc hỗ trợ phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp qua ứng dụng định danh và xác thực điện tử (VNeID) trên địa bàn thành phố Hà Nội (hỗ trợ 100% phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và hỗ trợ tối đa 10 Phiếu lý lịch tư pháp (bản giấy) cho người dân khi có đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID kể từ ngày 01/6/2024 đến hết ngày 31/12/2024), trước đó Hà Nội cũng là địa phương đầu tiên ban hành Nghị quyết quy định về mức phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến (Mức thu bằng “không” áp dụng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ thực hiện các dịch vụ công theo hình thức trực tuyến (Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023).

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố (LGSP), nền tảng đã kết nối với 7 hệ thống thông tin (HTTT)/cơ sở dữ liệu (CSDL) của Thành phố và 14 HTTT/CSDL của quốc gia và các Bộ, ngành. Các hệ thống thông tin quan trọng, có tính chất nền tảng cốt lõi của Thành phố nhằm cung cấp số liệu, thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Thành phố đến 03 cấp trực thuộc Thành phố đảm bảo theo hướng đồng bộ, tập trung, thống nhất, liên thông, tích hợp với các hệ thống của Trung ương được triển khai, tiếp tục duy trì, vận hành ổn định, khai thác và sử dụng có hiệu quả. Cuối tháng 6/2024, Thành phố đã đưa vào vận hành chính thức Hệ thống Thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc (ECabinet) tích hợp với phòng họp thông minh - một công cụ hỗ trợ quản lý công tác tổ chức họp, hướng tới phòng họp không giấy, phòng họp thông minh.

Thành phố Hà Nội chính thức đưa vào hoạt động một số hệ thống thông tin, ứng dụng phục vụ công dân, doanh nghiệp, trong đó đã cung ứng một số dịch vụ đô thị thông minh như: (1) Ứng dụng Công dân Thủ đô số (iHaNoi) - lấy

người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, là môi trường tương tác giữa Chính quyền với người dân Thủ đô, trước mắt đã triển khai 4 nhóm tiện ích chính; (2) Hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố - quản lý khám chữa bệnh, kết nối với 661 cơ sở y tế, đồng bộ dữ liệu lên hệ thống thông tin của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định, sẵn sàng hiển thị trên ứng dụng VNeID; (3) Cấp lý lịch tư pháp trên VNeID - Công dân thực hiện cấp phiếu lý lịch tư pháp nhanh chóng trên ứng dụng, nhận kết quả điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy và được tái sử dụng nhiều lần; (4) Ứng dụng “Thẻ vé giao thông Hà Nội” sử dụng thẻ QR động (thẻ ảo) được triển khai thử nghiệm cho vận tải hành khách công cộng. Ngoài ra, Thành phố cũng đang triển khai thí điểm trông giữ xe không dùng tiền mặt, nhằm tạo sự minh bạch trong công tác thu phí trông giữ phương tiện và giảm ùn tắc ở trung tâm thành phố.

Một số mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình đã được các Sở, ngành, quận, huyện triển khai tích cực, trong đó một số mô hình nổi bật như: “Thanh toán không dùng tiền mặt”, “Chi trả an sinh xã hội, chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội (BHXH)”, “Chuyển đổi số trong trường học” như: đăng ký sử dụng chữ ký số cho giáo viên; lưu trữ hồ sơ điện tử; thu học phí không dùng tiền mặt, nộp thuế điện tử qua app eTax Mobile (theo hướng dẫn của ngành Thuế), “Bộ phận Một cửa Hiện đại - Chia sẻ - Hỗ trợ”, triển khai hạ tầng mạng không dây, Internet miễn phí phục vụ người dân....; “Thu giá dịch vụ trông giữ xe không dùng tiền mặt”...

Thường xuyên hướng dẫn, cảnh báo các lỗ hổng bảo mật gây mất an toàn thông tin theo khuyến cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng và khắc phục sự cố cho các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố. Đến nay, đã có 239 hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; 379 Công/trang thông tin điện tử của các cơ quan thành phố Hà Nội đã được gán nhãn tín nhiệm mạng. Phối hợp với Cục An toàn thông tin khởi tạo 491 tài khoản sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện theo Chỉ thị 09/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

### PHẦN III

## TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI HUYỆN ỨNG HÒA VÀ HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ỨNG HÒA

### I. Tổng quan về huyện Ứng Hòa

#### 1. Điều kiện tự nhiên

##### 1.1. Vị trí địa lý:

Huyện Ứng Hòa nằm ở phía Nam của thành phố Hà Nội, có tọa độ địa lý: 20038' đến 20043' vĩ độ Bắc và từ 105054' đến từ 105049' kinh độ Đông. Ứng Hòa có đường có ranh giới giáp với các địa phương sau:

Phía Bắc giáp huyện Chương Mỹ và huyện Thanh Oai (thành phố Hà Nội); nơi xa nhất trong huyện là thôn Viên Ngoại, xã Viên An; 20047' vĩ độ Bắc, 105044' kinh độ Đông, giáp ranh huyện Thanh Oai.

Phía Đông giáp huyện Phú Xuyên (thành phố Hà Nội), huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam); nơi xa nhất trong huyện là thôn Thống Nhất, xã Đông Lỗ; 20038' vĩ độ Bắc, 105054' kinh độ Đông.

Phía Nam giáp các huyện Duy Tiên, Kim Bảng (tỉnh Hà Nam); nơi xa nhất trong huyện là thôn Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang; 20035' vĩ độ Bắc, 105047' kinh độ Đông, giáp ranh huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Phía Tây giáp huyện Mỹ Đức (thành phố Hà Nội), lấy sông Đáy làm ranh giới tự nhiên; nơi xa nhất trong huyện là thôn Vĩnh Thượng, xã Sơn Công; 20043' vĩ tuyến Bắc, 105049' kinh độ Đông.

Ứng Hòa có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Quốc lộ 21B là trục giao thông chính đi qua huyện dài 22km. Quốc lộ 428 nối giữa quốc lộ 21B tại thị trấn Vân Đình, gặp quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam tại Cầu Giẽ, dài 17km. Tỉnh lộ 424 từ đầu đê Hòa Xá - cầu Tế Tiêu gặp đường Hồ Chí Minh và quốc lộ 21 tại Chợ Bến (huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình). Sông Đáy chảy qua địa bàn Ứng Hòa dài 32km, sông Nhuệ chảy qua địa bàn huyện dài 11km, sông đào Vân Đình chảy qua địa bàn huyện dài 6km.

Ứng Hòa nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, đất đai màu mỡ, thuận lợi cho việc phát triển một nền nông nghiệp sinh thái toàn diện và năng suất cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng đang từng bước được xây dựng và cải thiện. Các tuyến trục giao thông quan trọng và các tuyến trục phát triển lớn của Thủ đô Hà Nội, gồm trục phát triển Bắc - Nam, trục phát triển kinh tế phía Nam và tuyến đường Đỗ Xá - Quan Sơn, kết nối huyện Ứng Hòa với trung tâm Hà Nội, các trung tâm kinh tế của Thủ đô và các tỉnh đồng bằng sông Hồng.

Huyện Ứng Hòa có 29 đơn vị hành chính, bao gồm 01 thị trấn và 28 xã, với 145 thôn, tổ dân phố.

## 1.2. Đặc điểm địa hình

Địa hình của Ứng Hoà tương đối bằng phẳng, dốc dần từ bắc xuống nam, từ tây sang đông. Độ cao trung bình so với mực nước biển là 1,6m (độ cao lớn nhất là 4m ở các xã Viên An, Viên Nội; độ cao nhỏ nhất là 0,6m ở thôn Đống Long, xã Hòa Lâm). Địa hình Ứng Hoà được chia ba làm bộ phận chính: *Vùng ven sông Đáy*: Gồm các xã, thị trấn: Viên An, Viên Nội, Cao Thành, Sơn Công, Đồng Tiến, Vạn Thái, Hòa Xá, Hòa Phú, Hòa Nam, Phù Lưu, Lưu Hoàng, Hồng Quang và thị trấn Vân Đình. Vùng này chủ yếu là thâm canh rau màu (ngô sớm, đậu tương), cây ăn quả và cây lúa.

*Vùng cao ở phía bắc*: Gồm các xã, thị trấn: Quảng Phú Cầu, Trường Thịnh, Hoa Sơn, Liên Bạt, Tảo Dương Văn và thị trấn Vân Đình

Vùng có địa hình tương đối cao so với các xã khác trong huyện và chủ yếu là thâm canh lúa.

*Vùng trũng*: Gồm 11 xã: Phương Tú, Đội Bình, Trung Tú, Đồng Tân, Minh Đức, Kim Đường, Đại Hùng, Đại Cường, Đông Lỗ, Hòa Lâm, Trầm Lộng, một phần xã Tảo Dương Văn. Đây được coi là vùng rốn nước của cả tỉnh Hà Tây trước đây, thường xuyên bị ngập lụt trong mùa mưa bão. Do điều kiện địa hình trũng không được bồi đắp phù sa hàng năm nên đất đai có độ chua cao, thường trồng hai vụ lúa và một vụ đông (đậu tương, ngô hoặc rau). Đây cũng chính là vùng sinh thái nông nghiệp của Huyện.

Nhìn chung, địa hình của Ứng Hoà tương đối bằng phẳng Sông Đáy là phân giới tự nhiên phía tây của huyện, đồng thời cũng là giao tuyến phân chia địa hình núi đá vôi với đồng bằng chiêm trũng. Hồng Quang thì có một thôn nằm trong vùng địa hình núi đá vôi.

Ứng Hoà có hệ thống thủy lợi tương đối hoàn chỉnh tưới tiêu cho hầu hết diện tích sản xuất nông nghiệp của huyện. Nguồn nước được lấy từ hai con sông chảy qua huyện là sông Đáy và sông Nhuệ. Tuy nhiên, mấy năm gần đây 2 sông này đã bị ô nhiễm nguồn nước do các công trình công nghiệp thải trực tiếp ra sông, đặc biệt là sông Nhuệ.

Huyện Ứng Hoà có tổng diện tích đất tự nhiên là 183,375.25km<sup>2</sup>; quy mô dân số khoảng 218.030 người.

## 1.3. Về phát triển kinh tế - xã hội

Trong thời kỳ đổi mới, cơ cấu kinh tế của huyện Ứng Hoà chuyển dịch dần theo cơ chế thị trường với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xét về tổng thể, tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, thương mại tăng lên. Để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, Ứng Hoà lấy nông nghiệp, nông thôn làm cơ sở cho sự ổn định và phát triển; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại làm mũi nhọn. Trong phát triển kinh tế - xã hội huyện Ứng Hoà đã đạt được nhiều thành tích; kinh tế các năm liên tục phát triển, ổn định, Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện năm 2024 (theo giá cố định 2010) đạt 16.212 tỷ đồng, tăng so với năm 2023 là 7,38% (Trong đó: Nông nghiệp đạt 5.090 tỷ đồng tăng

so với năm 2023 là 4,668%; Công nghiệp - Xây dựng đạt 4.369 tỷ đồng tăng so với năm 2022 là 5,69%; Thương mại - Dịch vụ đạt 6.438 tỷ đồng tăng so với năm 2023 là 11,09%). Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp chiếm 33,28%, công nghiệp – xây dựng chiếm 27,6%, Thương mại - dịch vụ chiếm 39,12%.

Phấn đấu đến hết năm 2024 thu nhập bình quân/người đạt 74 triệu đồng trở lên; duy trì 100% xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế; Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế đạt 94,5% dân số trở lên; tỷ lệ người lao động thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc, Bảo hiểm thất nghiệp đạt 45%. Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH tự nguyện trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động (nông dân, lao động trong khu vực phi chính thức) là 2,5%; Giảm 01 hộ nghèo so với năm trước theo chuẩn nghèo mới của Thành phố; Tỷ lệ lao động (đang làm việc) qua đào tạo 74,2%; Tỷ lệ lao động có bằng chứng chỉ 54%; Tỷ lệ hộ dân cư được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình Văn hóa” đạt 92,6%; Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu “Làng văn hoá” đạt 92,1%; Tỷ lệ tổ dân phố duy trì và giữ vững danh hiệu “Tổ dân phố văn hóa”, “Cụm dân cư văn hóa”, “Khối phố văn hóa”, “Khu phố văn hóa” đạt 100%; Số trường công lập đạt chuẩn Quốc gia là 03 trường công nhận mới, 11 trường công nhận lại; Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch khu vực nông thôn đạt 100%; Phấn đấu có 06 xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao và 03 xã nông thôn mới kiểu mẫu; Tỷ lệ cụm công nghiệp có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn quốc gia tương ứng (Đối với CCN Xây dựng mới: 100%; Đối với CCN, CCN làng nghề đã đi vào hoạt động: 100%); Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý 99%; Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường 100%; Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý 40%; Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển trong ngày đạt 100%.

## **2. Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn Huyện**

### **2.1. Về nhận thức, thể chế, môi trường pháp lý triển khai công nghệ thông tin và truyền thông**

Thời gian qua, trên cơ sở chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tiễn của địa phương, huyện Ứng Hòa cụ thể hoá thành những chương trình, kế hoạch và những văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, tạo tiền đề cho việc chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về CNTT được quan tâm, chú trọng; nhận thức của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp về vai trò và tầm quan trọng của ngành CNTT được nâng cao, đặc biệt trong bối cảnh thời đại cách mạng công nghệ 4.0 và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của Thành phố.

Hàng năm, Huyện đã triển khai tuyên truyền, đăng tải nhiều tin, bài viết trên Cổng thông tin điện tử huyện, Trang thông tin điện tử các xã, thị trấn và các phương tiện truyền thông khác; tập trung vào phổ biến hiệu quả, lợi ích, kết quả đạt được trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, tiện ích thông minh mang đến cho người dân...

Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/HU về những giải pháp khắc phục hạn chế trên địa bàn huyện trong đó đã chỉ đạo tăng cường, cải thiện chất lượng công tác CCHC;

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 226/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị quyết 10-NQ/HU của Huyện ủy trong đó yêu cầu các cơ quan đơn vị tập trung quyết liệt thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác CCHC, nâng cao ý thức, trách nhiệm phục vụ người dân, DN

Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/HU về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn huyện Ứng Hòa giai đoạn 2023-2025 và những năm tiếp theo;

Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch số 100-KH/HU ngày 14/6/2023 của Huyện ủy Ứng Hòa về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TU về Chuyển đổi số, xây dựng Thành phố thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Ứng Hòa.

UBND huyện ban hành Kế hoạch 242/KH-UBND ngày 18/7/2023 về triển khai thực hiện Nghị quyết 16 của Huyện ủy; Kế hoạch 104/KH-UBND ngày 17/3/2023 và Kế hoạch 192/KH-UBND ngày 14/6/2023 về khắc phục các tồn tại hạn chế về công tác CCHC trên địa bàn huyện để nâng cao chỉ số CCHC.

UBND huyện ban hành Kế hoạch 327/KH-UBND ngày 23/11/2023 của UBND huyện về Kế hoạch chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh đến năm 2025 định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 11/3/2024 của UBND huyện về Kế hoạch chuyển đổi số, xây dựng thành phố Hà Nội thông minh năm 2024 trên địa bàn huyện Ứng Hòa.

Với quyết tâm thực hiện tốt việc giải quyết TTHC cho người dân, 100% hồ sơ TTHC cấp huyện, cấp xã được trả đúng hạn, trước hạn cho người dân trên thực tế. Tổng số hồ sơ tiếp nhận cấp huyện là 3.464, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 67,1% (tăng trên 200% so với năm 2022), cấp xã bình quân đạt 53% đảm bảo vượt chỉ tiêu tối thiểu trên 50% theo kế hoạch.

## **2.2. Về hạ tầng kết nối**

Hệ thống mạng truyền số liệu quốc gia cấp 2 do Cục bưu điện trung ương xây dựng và quản lý đã được kết nối đến toàn bộ các cơ quan cấp Huyện. Hệ thống hiện tại đang sử dụng dịch vụ đường truyền của các nhà cung cấp lớn như Viettel, VNPT. Đến nay, hệ thống hạ tầng mạng truyền số liệu đã được triển khai rộng khắp trên địa bàn Huyện, đảm bảo sẵn sàng cho việc phục vụ kết nối giữa các cơ quan, doanh nghiệp cũng như người dân khi có nhu cầu.

**\*Hạ tầng mạng kết nối:** Huyện đang được trang bị và sử dụng hạ tầng mạng kết nối WAN tập trung của Thành phố do Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội quản trị tập trung bao gồm:

- Kết nối liên thông trực tiếp qua các kênh Metronet từ Thành phố - huyện
- các xã, băng thông 5Mbps.

- Kết nối mạng Internet: Tại trụ sở UBND huyện kênh FTTH 160Mbps; tại trụ sở các xã, thị trấn kênh FTTH 80Mbps.

Về cơ bản hạ tầng mạng kết nối của huyện hiện tại đảm bảo chất lượng cho công tác sử dụng và khai thác phục vụ công dân, tổ chức trên địa bàn.

**\*Hạ tầng mạng nội bộ (LAN) tại UBND huyện và các xã, thị trấn:**

100% các cơ quan trực thuộc Huyện ủy, HĐND, UBND Huyện, các tổ chức đoàn thể, các xã, thị trấn đã có hệ thống mạng LAN. Tuy nhiên hệ thống mạng LAN nội bộ trụ sở UBND huyện được đầu tư xây dựng và nâng cấp nhiều giai đoạn, không được bảo trì, nâng cấp thường xuyên nên các thiết bị công nghệ đã xuống cấp, ảnh hưởng đến kết nối.

Hệ thống wifi/Internet: 100% các cơ quan, đơn vị được trang bị kết nối internet băng thông rộng, tốc độ cao băng thông 100Mbps. 29 xã, thị trấn trên địa bàn Huyện đã có 29 đường truyền Internet FTTH có băng thông 80Mbps; phục vụ cho hoạt động của hơn 950 máy tính tại UBND huyện và các xã, thị trấn; đồng thời cho phép toàn bộ các đơn vị, các xã, thị trấn cũng như người dân truy cập vào các ứng dụng của Huyện qua hệ thống máy chủ do Thành phố triển khai tập trung.

Hạ tầng băng thông kết nối wifi/internet của Huyện hiện nay chưa đủ đáp ứng với số lượng truy cập, vận hành các phần mềm và các nhóm ứng dụng mà Thành phố, Huyện sẽ triển khai trong thời gian tới.

Hạ tầng 3G, 4G, 5G: Hiện nay, đường truyền mạng 3G, 4G đã được phủ sóng trên toàn bộ địa bàn Huyện Ứng Hòa, đảm bảo đáp ứng nhu cầu kết nối và chia sẻ thông tin của người dân cũng như các đơn vị, doanh nghiệp. Dịch vụ 5G được triển khai xây dựng thí điểm tại một số khu vực như bệnh viện Đa Khoa Vân Đình.

Thử nghiệm mạng Ipv6: Ngày 8/12/2020, Trung tâm Đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông Hà Nội (Sở TT&TT) đã tổ chức khóa “Tập huấn triển khai IPv6 cho cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội” năm 2020. Đến hiện tại Huyện Ứng Hòa đã triển khai khai báo chuyển đổi cấu hình Ipv6 cho tất cả các thiết bị máy tính, máy trạm của huyện Ứng Hòa.

**2.3. Hạ tầng kỹ thuật chung:**

Gồm 01 máy chủ vật lý và các thiết bị lưu trữ; hiện đặt tại phòng máy của UBND huyện. Văn phòng HĐND&UBND trực tiếp quản lý, tuy nhiên máy chủ đang thực hiện thuê thiết bị phục vụ triển khai giải pháp ATTT 4 Lớp của UBND huyện và các xã, thị trấn.

Công chuyển đổi, trao đổi dữ liệu giữa các máy chủ hiện tại là 1Gbps.

Trung tâm dữ liệu dự phòng: Hiện tại cơ quan UBND Huyện Ứng Hòa chưa có hệ thống lưu trữ dự phòng chuyên dụng.

**Hạ tầng trang thiết bị văn phòng**

Đảm bảo theo quy định 100% cán bộ, công chức có máy tính.

Các cơ quan, đơn vị đều trang bị máy in, máy scan, máy photo... nhưng chưa đầy đủ và đảm bảo triển khai ứng dụng các phần mềm cũng như số hóa tài liệu văn bản.

Hạ tầng băng thông kết nối wifi/internet của Huyện hiện nay chưa đủ đáp ứng với số lượng truy cập, vận hành các phần mềm và các nhóm ứng dụng mà Thành phố, Huyện sẽ triển khai trong thời gian tới.

#### **2.4. Hiện trạng của các phòng, ban:**

Hiện tại, UBND huyện cũng đang thực hiện triển khai nguồn vốn Thành phố hỗ trợ kinh phí 4.5 tỷ để ưu tiên triển khai hiện đại hoá bộ phận một cửa huyện, xã và triển khai nâng cấp hệ thống mạng Wifi đồng bộ của huyện, gồm các hạng mục:

+ Xây dựng hệ thống mạng wifi tại UBND huyện.

+ Xây dựng Bộ phận Một cửa hiện đại tại UBND huyện và 29 xã, thị trấn. Trong đó, ưu tiên đầu tư các danh mục sau: Mua sắm bổ sung trang thiết bị CNTT; Trang bị hệ thống xếp hạng tự động và đánh giá sự hài lòng.

Hệ thống máy chủ huyện không có điều kiện để triển khai, đầu tư mà sử dụng hạ tầng tập trung do Thành phố triển khai.

##### **2.4.1. Hiện trạng của phòng Quản Lý Đô Thị.**

1. Đối với các phần mềm Quản lý nhà nước chung của Thành phố:

Các phần mềm cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng, quản lý. Tuy nhiên việc sử dụng còn gặp một số khó khăn, vướng mắc như: khó sử dụng, hoạt động thiếu ổn định đôi khi bị lỗi, chậm.

Phần mềm Giải quyết TTHC còn nhiều bất cập, người dân khó tiếp cận, nhiều bước thực hiện gây khó khăn cho người dân.

Lưu trữ điện tử, về cơ bản việc quản lý dữ liệu được số hóa trên dạng scan văn bản; lưu trữ trên định dạng gốc và tệp \*.pdf, chưa có nền tảng chung phục vụ truy xuất dữ liệu của Huyện.

2. Đối với các phần mềm quản lý chuyên ngành:

Một số các phần mềm phải trả phí bản quyền nên việc cập nhật các tính năng chưa đầy đủ do thiếu kinh phí mua phần mềm.

Việc chuẩn bị kỹ về mặt công nghệ, đào tạo, và thiết lập phần mềm còn thiếu kinh nghiệm nên chưa đạt hiệu quả cao trong sử dụng.

##### **2.4.2. Hiện trạng của phòng Giáo dục và Đào tạo**

Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, máy tính, phần mềm CSDL đang dùng của Thành phố đồng bộ với CSDL của Bộ GDĐT; Phần mềm sử dụng HSSS đang sử dụng đồng bộ với CSDL Ngành; Phần mềm Thư viện đang dùng miễn phí do VIETBILIO tặng. Phần mềm thư viện đang sử dụng ở 1 số trường đồng bộ với CSDL Ngành. Phần mềm thu phí không dùng tiền mặt phối hợp cùng Phòng Tài

chính kế hoạch triển khai cùng công ty MISA và các ngân hàng Viettinbank, Agribank. Phần mềm PCGD của Sở GDĐT Hà Nội. Phòng điều hành Giáo dục thông minh của Phòng GDĐT.

Hiện nay trên địa bàn huyện đã có một số đơn vị sử dụng phần mềm quản lý Thư viện điện tử theo mô hình đơn lẻ, chưa triển khai theo mô hình hệ thống, đồng bộ và tập trung dẫn đến công tác quản lý chưa được hiệu quả.

Việc quản lý hồ sơ sổ sách trong các nhà trường chưa được số hóa hiệu quả, đa số các cơ sở giáo dục vẫn quản lý hồ sơ sổ sách giấy truyền thống, chưa đáp ứng được các yêu cầu chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ theo yêu cầu.

Việc an ninh trường học tại các cơ sở giáo dục hiện nay và một vấn đề rất được quan tâm của các bậc PHHS và ngành giáo dục. Công tác điểm danh kiểm soát ra vào trường, lớp của học sinh đang sử dụng những công cụ thủ công như giáo viên điểm danh bằng tay, kiểm soát qua bảo vệ nhà trường, nên thông tin đến PHHS không được kịp thời và thông suốt dẫn đến một số trường hợp không mong muốn.

Việc kết nối giữa nhà trường và gia đình hiện nay hiện nay nhà trường đang phải dùng nhiều kênh kết nối khác nhau như Zalo, facebook, viber, ứng dụng ngân hàng và trực tiếp... tạo ra sự bất cập cho PHHS, Chưa có một công cụ phần mềm chuyên biệt của ngành để hỗ trợ ban giám hiệu, giáo viên, PHHS về công tác chỉ đạo điều hành của ban giám hiệu; nhập liệu chuyên môn của giáo viên, công tác truyền thông, trao đổi thông tin đến CMHS một cách hiệu quả.

#### **2.4.3. Hiện trạng của phòng Y Tế**

Trên địa bàn huyện có 29 trạm y tế, 02 phòng khám đa khoa, 01 trung tâm y tế và 01 bệnh viện Đa Khoa Vân Đình nhưng hiện tại mới chỉ có Bệnh Viện Đa Khoa Vân Đình được trang bị bệnh án điện tử còn lại các đơn vị khác chưa được trang bị.

Hệ thống phần mềm kê đơn thuốc chỉ được những cơ sở bán thuốc và nhà thuốc tự trang bị.

Hệ thống khám chữa bệnh từ xa cũng chưa được triển khai.

Trang bị máy móc cấu hình còn thấp chưa đáp ứng được công việc, các phần mềm dung chung của Sở đều khó truy cập trong giờ hành chính.

Chưa số hóa được hồ sơ bệnh án các bệnh nhân mắc bệnh không truyền nhiễm (vd: Tiểu đường, tâm thần...).

#### **2.4.4. Hiện trạng của phòng Lao Động - Thương Binh và Xã Hội**

Phòng không có cơ sở cấp dưới, các phần mềm sử dụng đều dung chung phần mềm của sở. Nhưng cũng gặp khó khăn khi truy nhập vào hệ thống trong giờ hành chính.

Chưa có công cụ hỗ trợ để kết xuất file exell trên phần mềm khi thanh toán cho các đối tượng chính sách để gửi qua ngân hàng, các chuyên viên phải làm công tác thủ công trong việc này.

Chưa số hóa được thông tin mộ liệt sỹ, lao động tiền lương, giáo dục nghề nghiệp, trẻ em và quản lý người lao động rên đi bàn đi xuất khẩu.

#### **2.4.5. Hiện trạng của phòng Văn hóa và Thông tin**

Chưa có phần mềm riêng của phòng toàn bộ đang sử dụng chung các phần mềm của Sở và thành phố.

Hiện tại đã có trang Web quảng bá di tích nhưng chưa đầy đủ thông tin và chưa đi vào hoạt động.

#### **2.4.6. Hiện trạng Văn phòng Huyện Ủy**

Toàn bộ hạ tầng cơ sở CNTT đều do văn phòng Thành Ủy trang bị, và đã có đầy đủ máy tính cho cán bộ cũng có phương án an toàn bảo mật thông tin như trang bị máy tính soạn thảo các văn bản bí mật riêng toàn bộ các phần mềm trên máy tính này đều sử dụng phần mềm có bản quyền. Thiết bị lưu trữ ccopy các văn bản bảo mật cũng đc trang bị 01 USB chuyên dụng.

Tất cả các phần mềm của Huyện Ủy đều được thụ hưởng các phần mềm của Thành ủy và chạy trên môi trường mạng nội bộ của Thành Ủy.

Cơ sở máy móc đang chưa đáp ứng được về mặt cấu hình, máy scan mới chỉ có 01 máy đặt tại văn thư, mọi công tác số hóa văn bản của các Ban Đảng đều phải nhờ Văn Thư thực hiện gây mất thời gian và không hiệu quả. Và đặc biệt vụn phòng Huyện Ủy chưa được trang bị hệ thống thống Firewall rất nguy hiểm khi bị Hacker thâm nhập.

Chỉnh lý số hóa văn bản đã được thực hiện từ trước nển năm 2017, còn từ năm 2018 đến nay vẫn chưa thực hiện được.

#### **2.4.7. Hiện trạng của Phòng Kinh tế**

Hiện tại mới chỉ có phần mềm quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm so sỡ Nông nghiệp trang bị và phần mềm quản lý hợp tác xã nhưng hiện tại toàn huyện mới chỉ có 36/109 hợp tác xã có mã số thuế còn lại là chưa đăng ký. Nên các hợp tác xã chưa đăng ký mã số thuế chỉ có tên chưa có định danh trên địa bàn không đồng bộ được trên cổng thông tin HTX nên có khả năng bị giải thể hoặc sát nhập.

Thanh toán không dùng tiền mặt mới chỉ áp dụng thí điểm trên địa bàn thị trấn và có 30 hộ kinh doanh đăng ký và đang sử dụng dịch vụ này.

Trong danh mục nông thôn mới cũng đã có nhiệm vụ xây dựng nông thôn thông minh nhưng hiện tại vẫn chưa triển khai được.

#### **2.4.8. Hiện trạng Văn phòng HĐND& UBND huyện**

Toàn bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Văn phòng HĐND&UBND huyện cũng như các phòng ban trong huyện đều được trang bị máy móc thiết bị từ năm

2018 và máy tính thiết bị mạng đã đảm bảo hạ tầng IPV6 đáp ứng yêu cầu IPV6 của Thành phố.

Số hóa kết quả thủ tục hành chính chưa thực hiện được do vướng mắc về chuẩn kỹ thuật tập tin.

#### **2.4.9. Công an huyện**

Là một ngành đặc thù được thực hiện các văn bản chỉ đạo theo ngành dọc và có tính chất bảo mật cao nên toàn bộ hạ tầng cơ sở cũng như các phần mềm chuyên dụng đều dung chung theo của Bộ. Mọi giao thức kết nối cũng trên môi trường của bộ.

Là một ngành đặc thù nhưng lại quản lý về mặt An ninh trật tự, An toàn giao thông trên địa phương nhưng đến nay cơ sở hạ tầng để quản lý nắm bắt An ninh trật tự trên địa phương còn hạn chế, mọi camera giám sát trên địa phương đều được công an thành phố khai thác và cung cấp dữ liệu chưa có hệ thống camera giám sát và truy xuất dữ liệu riêng trong Huyện.

#### **2.5. Về dữ liệu số**

Hiện nay, UBND huyện chưa có nguồn kinh phí triển khai số hóa cơ sở dữ liệu chuyên ngành; số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước đây và lưu trữ điện tử đảm bảo theo quy định.

\* *Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành*: Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường đang triển khai thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý kho tư liệu tài nguyên và môi trường huyện Ứng Hoà. Hiện nay dự án đang tiếp tục triển khai, chưa hoàn thành đưa vào sử dụng.

\* *Một số lĩnh vực triển khai theo Thành phố, Sở chuyên ngành, cụ thể*:

+ Ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử để cung cấp DVCTT.

+ Lĩnh vực Tư pháp: Thực hiện số hoá, rà soát dữ liệu hộ tịch, chuyển từ phần mềm quản lý hộ tịch 158 sang phần mềm điện tử của Bộ Tư pháp.

+ Lĩnh vực Lao động - Thương binh và xã hội: Quản lý thông tin cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội.

Và các lĩnh vực khác: Y tế, Tài chính và Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo, Kinh tế...

\**Số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính*: Triển khai thực hiện theo tính năng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

\* *Lưu trữ điện tử*: Chưa có kho lưu trữ điện tử của Huyện.

Vì vậy, về cơ bản việc quản lý dữ liệu được số hóa trên dạng scan văn bản; lưu trữ trên định dạng gốc và tệp \*.pdf, chưa có nền tảng chung phục vụ truy xuất dữ liệu của Huyện. Dữ liệu gốc đang tồn tại tại các máy tính riêng lẻ; chưa có cổng thông tin CSDL theo lớp phục vụ cán bộ, doanh nghiệp, người dân;

Hiện tại có 03 lĩnh vực nhỏ có phần mềm quản lý dữ liệu số riêng biệt: Quản lý văn bản (ĐHTN), Quản lý tiếp dân - Theo dõi giải quyết đơn thư KNCTC, Hệ thống thư một cửa dùng chung 3 cấp (Các hệ thống này đều được thụ hưởng do Thành phố triển khai).

## 2.6. Về ứng dụng

Công thông tin điện tử của Huyện: tại địa chỉ <http://unghoa.thudo.gov.vn> đã tích hợp với công thông tin điện tử của Thành phố và UBND các xã, thị trấn. Hiện tại, huyện Ứng Hòa đang được Thành phố đưa vào triển khai thử nghiệm Công thông tin điện tử liên thông 3 cấp Thành phố - huyện - xã, thị trấn đáp ứng đúng yêu cầu Nghị định 42/2022/NĐ ngày 24/6/2022 về việc quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (Thành phố triển khai): Đã triển khai đồng bộ từ UBND huyện tới các phòng ban và 29 xã, thị trấn.

Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ công chức viên chức: phòng Nội vụ, UBND xã, thị trấn và các nhà trường đã triển khai và đưa vào sử dụng phần mềm Quản lý công chức viên chức thành phố vừa triển khai (do Sở Nội vụ triển khai). Đảm bảo đúng, đủ các trường thông tin quản lý theo quy định của Bộ Nội vụ về cán bộ công chức viên chức.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Hà Nội: Đã triển khai đến 29/29 xã, thị trấn trên toàn Huyện. 100% TTHC được thực hiện trên phần mềm dùng chung 3 cấp của Thành phố, công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ đề công dân, tổ chức theo dõi, kiểm soát quá trình giải quyết của các cơ quan nhà nước.

Hệ thống báo cáo KTXH: Đang triển khai trên hệ thống thông tin báo cáo tập trung của Thành phố; đảm bảo hỗ trợ công tác báo cáo đúng, đủ và hiệu quả.

Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến: thành phố Hà Nội đã đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình tới phòng họp trực tuyến UBND Huyện và hội trường Liên cơ quan và hệ thống mạng WAN tới UBND 29 xã, thị trấn.

Hệ thống thư điện tử: Mỗi cán bộ được cấp một tài khoản email thư điện tử công vụ riêng hoạt động ổn định, đảm bảo dung lượng.

Ký số văn bản: Các cơ quan hành chính tại Huyện đã vận hành hiệu quả các ứng dụng chuyên ngành phục vụ công việc, trong đó 100% các cơ quan, đơn vị thuộc huyện (100% cán bộ, công chức) đã sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Hiện tại các đơn vị phòng, ban của huyện đang sử dụng khá nhiều các phần mềm, ứng dụng được triển khai từ Thành phố:

TT	Tên phần mềm	Mô tả	Cấp triển khai	Đơn vị quản lý, vận hành	Ghi chú
----	--------------	-------	----------------	--------------------------	---------

TT	Tên phần mềm	Mô tả	Cấp triển khai	Đơn vị quản lý, vận hành	Ghi chú
<b>I Phần mềm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành chung</b>					
1	Quản lý văn bản	Quản lý, xử lý văn bản đi đến của huyện	Thành phố	VPUB	Khối HU Khối UB ( <i>kết nối đồng bộ với Thành phố</i> )
2	Cổng thông tin điện tử	Đăng tải tin bài hoạt động, thông tin, tuyên truyền	Thành phố hỗ trợ thí điểm triển khai	Trung tâm VHTT&TT huyện	CổngTTĐT huyện, xã, thị trấn
3	Phần mềm hỗ trợ quản lý điều hành tác nghiệp	Hỗ trợ phòng họp không giấy tờ (Cần bổ sung Quản lý lịch công tác tuần, công việc, đánh giá cán bộ công chức, ...)	Thành phố triển khai	VP UBND huyện	Huyện, xã, thị trấn
4	iHaNoi	Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp có thể phản ánh toàn diện các vấn đề về đời sống dân sinh bức xúc tới các cấp chính quyền để tiếp nhận, giải quyết kịp thời	Thành phố	UBND Thành phố	
<b>II Phần mềm khối Đảng - Đoàn thể</b>					
1	Sổ tay đảng viên	Quản lý hồ sơ Đảng	Thành ủy	VPHU	Ban Đảng - Đoàn thể huyện; Đảng ủy xã, thị trấn
2	Lotus	Quản lý văn bản từ Thành ủy về Huyện ủy và Đảng ủy xã, thị trấn	Thành ủy	VPHU	Huyện ủy

<b>TT</b>	<b>Tên phần mềm</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Cấp triển khai</b>	<b>Đơn vị quản lý, vận hành</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Phần mềm cơ sở dữ liệu đảng viên 3.0		Thành ủy	VPHU	Ban Đảng - Đoàn thể huyện; Đảng ủy xã, thị trấn
4	Phần mềm kiểm tra đảng		Thành ủy	VPHU	Ban Đảng - Đoàn thể huyện; Đảng ủy xã, thị trấn
<b>III Phần mềm khối phòng ban chuyên môn</b>					
1	Phần mềm giải quyết TTHC Thành phố	Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC	Thành phố	VPUB	Huyện, xã, thị trấn
2	Tiếp dân, giải quyết đơn thư KNTC	Quản lý công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư	Thành phố	VPUB	Phần mềm khối UB
3	Quản lý cán bộ công chức viên chức	Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Phòng Nội vụ	Huyện, xã, thị trấn, trường
4	Quản lý Tài sản công	Quản lý tài sản công	Sở Tài chính	Phòng TCKH	Huyện, xã, thị trấn, trường
5	Kế toán	Phục vụ công tác kế toán	Huyện	Phòng TCKH	Huyện
6	Quản lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo	Phục vụ công tác quản lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo	Thanh tra thành phố	Thanh tra huyện	
7	Thông kê nhân lực y tế	Phục vụ thông kê nhân lực ngành y tế	Sở Y tế	Phòng Y tế	
8	Hệ thống thư điện tử Thành phố	Gửi, nhận văn bản	Thành phố	VP UB	
9	Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội	Quản lý thông tin cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội	Bộ LĐTB&XH	Phòng LĐTB&XH	
10	Phần mềm quản	Góp phần tin	Bộ	Phòng	

<b>TT</b>	<b>Tên phần mềm</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Cấp triển khai</b>	<b>Đơn vị quản lý, vận hành</b>	<b>Ghi chú</b>
	lý người có công	học quá trình xử lý thông tin, giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng, đúng pháp luật.	LDTB&XH	LDTB&XH	
11	Phần mềm truy xuất nguồn gốc		Sở Nông nghiệp	Phòng Kinh tế	Huyện, xã, thị trấn
12	Phần mềm quản lý các hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn thành phố		Sở Nông nghiệp	Phòng Kinh tế	
13	Phần mềm quản lý cuộc họp của lãnh đạo cơ quan	Hỗ trợ quản lý cuộc họp của lãnh đạo các cơ quan	Huyện	VPUB	
14	Phần mềm quản lý chuyên ngành	Autocad, G8, F1, OFFICE, NOVA			
<b>IV</b>	<b>Phần mềm phục vụ công tác tại các nhà trường</b>				
1	Phần mềm Misa	Thu phí không sử dụng tiền mặt	Thành phố	Các nhà trường	
2	Quản lý HS trực tuyến của SGD-EnetViet	Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu quản lý học sinh và quản lý chuyên môn	Thành phố		
3	Cơ sở dữ liệu của Bộ GD&ĐT (SMAS)	Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu quản lý học sinh và quản lý chuyên môn	Bộ GD	Các nhà trường	
4	Giao dịch điện tử kho bạc	Quản lý thu chi tại kho bạc Nhà nước	Kho bạc NN	Các nhà trường	
5	Hóa đơn điện tử	Cung cấp biên lai điện tử trong nhà trường	Trường tự triển khai	Các nhà trường	

<b>TT</b>	<b>Tên phần mềm</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Cấp triển khai</b>	<b>Đơn vị quản lý, vận hành</b>	<b>Ghi chú</b>
6	Nộp BHXH qua bưu điện	Quản lý hoạt động đóng bảo hiểm xã hội của cán bộ, viên chức nhà trường	BHXH	Các nhà trường	
7	Phổ cập giáo dục - chống mù chữ của Bộ GD&ĐT (pc.hanoiedu.vn)	Cập nhật thông tin học sinh	Bộ GD	Các nhà trường	
8.	Quyết toán Thuế		Cục thuế Hà nội	Các nhà trường	

### ***Đánh giá chung***

UBND Huyện Ứng Hòa thụ hưởng phần mềm dùng chung của thành phố Hà Nội triển khai xuống các quận, huyện/xã; phần mềm theo ngành dọc và chưa có phần mềm tự triển khai phục vụ công tác quản lý riêng trên địa bàn Huyện.

Các tài liệu, hồ sơ thông tin dữ liệu của các ngành, lĩnh vực và kết quả giải quyết thủ tục hành chính của huyện thời điểm trước khi vận hành sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến vẫn đang được lưu trữ qua hồ sơ giấy. Việc thực hiện số hoá tài liệu tại các kho lưu trữ các chuyên ngành của huyện mới được triển khai một phần số hoá chuyên ngành của phòng Tư pháp để phục vụ công tác chuyển đổi số của ngành Tư pháp (và cũng triển khai theo Bộ Tư pháp), còn lại toàn bộ dữ liệu của chuyên ngành khác của Huyện vẫn đang lưu trữ hồ sơ giấy tại kho chưa được số hoá. Điều này dẫn đến công tác quản lý, khai thác, tra cứu tìm kiếm thông tin hiện vẫn thực hiện thủ công chưa ứng dụng CNTT phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ hàng ngày của cán bộ, công chức làm giảm hiệu suất công việc, chậm quá trình xử lý và kéo dài thời gian phục vụ đáp ứng người dân, tổ chức. Chưa thực hiện được mục tiêu tạo tiện ích phục vụ công dân số, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư của đề án 06/QĐ-TTg của Chính phủ.

Huyện uỷ Ứng Hoà đã sử dụng các ứng dụng, hệ thống phần mềm vào công tác quản lý, điều hành do Thành uỷ triển khai, hệ thống QLVB, Email công vụ vẫn hạn chế, hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng đầy đủ cho cán bộ đảng viên. Ứng dụng được thực hiện thường xuyên chưa bảo đảm an toàn thông tin theo quy định, hệ thống chưa đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo quy định, cần có phương án nâng cấp hệ thống phần mềm, đảm bảo an toàn thông tin.

### **2.7. Về đảm bảo an ninh mạng**

Về công tác đảm bảo an toàn thông tin cho máy trạm: Hiện tại các máy tính của huyện đang được cài đặt phần mềm diệt virus Kaspersky do Sở Thông tin và Truyền thông trang bị tập trung.

Các thiết bị máy trạm hiện toàn bộ đều đang chạy trên hệ điều hành miễn phí không được trang bị bản quyền (windows, office,...) nên dễ gây mất an toàn, an ninh thông tin và có thể mất dữ liệu trong quá trình sử dụng.

Bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống: Huyện đã được đầu tư trang bị 01 thiết bị Firewall McAfee tại trụ sở UBND huyện từ năm 2018 tuy nhiên đã hết bản quyền và không duy trì chi phí hỗ trợ kỹ thuật của hãng nên hiện tại không còn hoạt động. Tại trụ sở các xã, thị trấn chưa được trang bị thiết bị bảo mật an toàn thông tin.

### **2.7.1. Phê duyệt cấp độ các hệ thống thông tin**

UBND huyện cũng đã ban hành Quyết định số 9306/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của UBND huyện Ứng Hoà và hệ thống thông tin 29 xã, thị trấn trên địa bàn huyện (Phê duyệt cấp độ 2)

### **2.7.2. Triển khai mô hình 4 lớp**

Công tác đảm bảo ATTT theo hướng dẫn mô hình “4 lớp”: Huyện đã triển khai thực hiện thuê hệ thống giám sát, cảnh báo ATTT tập trung tại UBND huyện và tổ chức đào tạo, trang bị nhận thức về ATTT mạng cho các cán bộ để từng bước nâng cao đảm bảo ATTT trong khai thác, sử dụng thiết bị cũng như hỗ trợ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin của huyện trong công tác quản trị ATTT cho các hệ thống của huyện.

### **2.7.3. Gán nhãn tín nhiệm mạng**

Hiện nay Trang thông tin điện tử các xã, thị trấn đang trong thời gian khôi phục lại, đưa vào hoạt động bình thường, nên chưa triển khai gán nhãn tín nhiệm mạng cho các trang thông tin điện tử xã, thị trấn.

### **2.7.4. Đánh giá chung**

Nhìn chung công tác đảm bảo ATTT mạng của huyện vẫn ở mức cơ bản, việc trang bị phần mềm Kaspersky và hệ thống giám sát, cảnh báo đã phát hiện và hạn chế được các nguy cơ lỗ hổng ATTT mạng nội bộ, ngăn chặn các virus lây lan trong nội bộ, tuy nhiên các biện pháp này chưa đem lại giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật thông tin tổng thể cho đơn vị theo chuẩn ATTT cấp độ 2 của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Các hệ thống LAN của đơn vị cần phải được trang bị một thiết bị Firewall đặt phía ngoài mạng LAN nhằm ngăn chặn, xử lý các vấn đề an ninh mạng khi cần thiết.

Về tổng quan, cơ sở hạ tầng vật chất, cơ sở hạ tầng mạng nội bộ và điều kiện đảm bảo ATTT của huyện hiện tại chỉ đảm bảo ở mức cơ bản, còn nhiều hạn chế. Các tài liệu, hồ sơ thông tin dữ liệu của các ngành, lĩnh vực và kết quả giải quyết thủ tục hành chính của huyện chưa được triển khai số hoá nên khó khăn trong quản lý, khai thác.

UBND Huyện cần bổ sung và nâng cấp hệ thống an toàn an ninh mạng của Huyện Ứng Hoà đáp ứng tiêu chuẩn ATTT cấp độ 2 cho các hệ thống mạng

máy tính nội bộ. Kiện toàn và hoàn thiện quy trình ứng cứu và xử lý sự cố ATTT theo hướng dẫn mô hình bảo mật “4 Lớp” của Thành phố.

Cần trang bị, bổ sung phần mềm diệt virus và phòng chống mã độc bản quyền, bổ sung các hệ thống, thiết bị bảo mật chuyên dụng cho hệ thống mạng LAN của UBND huyện và các xã, thị trấn.

## **2.8. Về nhân lực CNTT**

UBND huyện đã cử 01 lãnh đạo phụ trách CNTT tại phòng Văn hoá và Thông tin huyện; 02 chuyên viên phụ trách về CNTT, 01 của VP HĐND&UBND và 01 của phòng VH TT.

Hiện nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức đều cập nhật trình độ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin chuẩn theo Thông tư 03/2014/BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

### ***\*Công tác đào tạo về chuyển đổi số:***

UBND huyện Ứng Hoà đã tổng hợp danh sách, cử học viên tham dự khoá đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số đối với 31 cán bộ làm công tác CDS của huyện, xã về nội dung. Tổng hợp, đăng ký 90 học viên tham gia các chương trình đào tạo về chuyên đổi số và an ninh an toàn thông tin mạng theo mô hình MOOC (do Cục C06, Bộ Công an phát triển); Đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức tham gia triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án 06 tại UBND Huyện, UBND các xã, thị trấn; Cử học viên tham dự lớp "Tập huấn về chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh" do Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố tổ chức.

### ***\*Đánh giá chung***

Nhân sự CNTT của Huyện kiêm nhiệm nhiều việc ngoài chuyên môn, chưa có điều kiện nâng cao kiến thức chuyên sâu về Chuyển đổi số, Chính quyền số, Khu Đô thị thông minh, IoT... Cần thường xuyên tổ chức đào tạo, nâng cao chuyên môn cho cán bộ công chức chuyên trách về Công nghệ thông tin, đặc biệt về các kiến thức chuyên sâu phục vụ triển khai vận hành, Chính quyền số, Chuyển đổi số các lĩnh vực...

Nhân lực công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số tại các đơn vị còn thiếu, cấp xã chưa có quy định về vị trí việc làm về CNTT, chuyển đổi số, việc triển khai chuyển đổi số gặp nhiều khó khăn do thiếu cán bộ chuyên môn tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện, trong khi khối lượng công việc về chuyển đổi số, CNTT ngày càng nhiều, mức độ phức tạp và yêu cầu ngày càng cao.

Chưa có đơn vị, cá nhân chuyên trách vận hành, xử lý sự cố về hạ tầng.

## **2.9. Thực trạng công tác chuyển đổi số tại các xã, thị trấn:**

### **2.9.1. Phát triển chính quyền số:**

Tiếp tục duy trì, vận hành hệ thống họp giao ban trực tuyến do Thành phố triển khai theo quy định.

Tiến hành triển khai, nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện hạ tầng CNTT đảm bảo phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước, phối hợp phòng Văn hoá và Thông tin tiến hành nâng cấp bộ phận một cửa xã, thị trấn từng bước hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu bộ phận một cửa hiện đại theo sự chỉ đạo của Thành phố.

Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong xử lý công việc chuyên môn trên môi trường mạng và DVC TT theo hướng dẫn của Thành phố, cài đặt ứng dụng iHaNoi.

Đẩy mạnh triển khai hoá đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan Thuế đối với các hoá đơn được khởi tạo từ máy tính tiền, tăng cường công tác chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt theo sự chỉ đạo của Huyện.

### **2.9.2. Phát triển kinh tế số:**

Các doanh nghiệp trên địa bàn ứng dụng công nghệ số thúc đẩy mạnh mẽ khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về kinh doanh trên nền tảng số.

Đẩy mạnh phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tại các hộ kinh doanh trên địa bàn.

### **2.9.3. Phát triển xã hội số:**

Tham gia các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho các đối tượng là lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và tuyên truyền vận động nhận dân nâng cao nhận thức về kỹ năng số cơ bản.

Quyết định Tổ chuyển đổi số cộng đồng trên cơ sở hợp nhất Tổ công nghệ số cộng đồng và Tổ công tác triển khai Đề án 06 để tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân về chuyển đổi số, sử dụng các DVC TT và các dịch vụ khác theo nhu cầu.

Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VneID, là danh tính số, có giá trị tương đương thẻ CCCD.

### **2.9.4. Đánh giá chung:**

Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện cơ bản các trang thiết bị CNTT đáp ứng nhu cầu sử dụng của Cán bộ, công chức, viên chức về máy tính, máy in, máy Scan và hạ tầng mạng LAN.

Công tác triển đổi số tại các đơn vị đáp ứng cơ bản theo sự chỉ đạo của Huyện, Thành phố, công tác triển khai thụ động theo sự chỉ đạo; chưa có điểm nhấn trong công tác chuyển đổi số.

Chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT, phần lớn bằng cấp không phù hợp, nhiệm vụ phải kiêm nhiệm nên khó khăn trong công tác triển khai.

Tổ chuyển đổi số cộng đồng được thành lập nhưng hoạt động chưa hiệu quả, chưa có chế độ cho thành viên trong tổ.

### **3. Đánh giá lại kết quả chuyển đổi số của huyện theo chỉ tiêu, nhiệm vụ của Thành phố; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung**

#### **3.1. Về chỉ tiêu Thành phố giao**

##### **3.1.1. Chính quyền số:**

Công tác triển khai DVC TT đã được huyện tập trung, lãnh đạo, chỉ đạo đúng với định hướng của Thành phố; tỷ lệ hồ sơ DVC TT đạt tỷ lệ trên 67% năm 2023, kết quả đánh giá sự hài lòng người dân đạt trên 90%.

Huyện chưa tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số do thực tế dữ liệu chuyên ngành của huyện chưa được triển khai số hoá đảm bảo theo quy định, mới chỉ có lĩnh vực tư pháp thực hiện số hoá sổ hộ tịch, chia sẻ dữ liệu hộ tịch - dân cư vào cơ sở dữ liệu hộ tịch theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp; Lĩnh vực tài nguyên và môi trường đang tiến hành số hoá dữ liệu về đất đai.

Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước trên môi trường số chưa được Tập trung, thực hiện mới chỉ dừng ở mức chỉ đạo các đơn vị báo cáo kết quả triển khai, thực hiện.

Hệ thống thông tin của các cơ quan Nhà nước đã được phê duyệt Cấp độ; Hệ thống huyện đã được gán nhãn tín nhiệm mạng, trang xã đang được xây dựng và sẽ thực hiện gán nhãn trong thời gian tới; đã triển khai thuê dịch vụ giám sát An toàn an ninh thông tin theo mô hình “4 Lớp” theo đúng sự chỉ đạo của Thành phố nhưng đến nay, dự án đã hết thời gian thực hiện cần phải tiếp tục được đầu tư, triển khai, thực hiện.

##### **3.1.2. Về xã hội số:**

Dân số trưởng thành đã có điện thoại thông minh đạt trên 80% và tài khoản định danh điện tử theo đúng sự chỉ đạo của Thành phố đạt trên 90%, tài khoản ngân hàng thanh toán đạt trên 70%.

Tổng cộng trên địa bàn huyện mới cấp được trên 600 chữ ký số miễn phí cho người dân vì thực tế hệ thống phần mềm DVC TT không bắt buộc người dân khi thực hiện giao dịch phải ký số và đặc biệt người dân có đăng ký ký số thì phần mềm chưa tương thích để người dân có thể thực hiện ký số. Chữ ký số mới chỉ dừng lại ở cơ quan hành chính đối với cán bộ, công chức khi thực hiện quy định 100% hồ sơ công việc phải thực hiện toàn trình trên hệ thống QLVB.

Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 199,455 người (đạt 95.42%, Thành phố giao trên 90%); Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa tính đến 08/2024 đạt trên 30%, Thành phố giao năm 2025 là trên 30%; Ngoài ra, Bệnh viện đa khoa Vân đình đã triển khai bệnh án điện tử, thực hiện khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn.

Huyện Ứng Hoà chưa hình thành được từ 2-3 khu đô thị thông minh theo sự chỉ đạo của Thành phố hoàn thành năm 2025.

### **3.1.3. Về chỉ tiêu số hoá, lưu trữ điện tử:**

Các dữ liệu, hồ sơ triển khai công việc hiện đang được lưu trữ điện tử trên hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ công việc do Thành phố triển khai tại phần mềm QLVB và phần mềm dùng chung 3 cấp đối với hồ sơ giải quyết kết quả TTHC với tỷ lệ đạt 100%. (trừ Văn bản mật theo quy định).

Dữ liệu CBCCVVC đã được triển khai lưu trữ trên hệ thống phần mềm do Sở Nội vụ triển khai.

Văn phòng HĐND&UBND huyện đã thực hiện số hoá hồ sơ công việc

## **3.2. Về nhiệm vụ do Thành phố giao:**

### **3.2.1. Phát triển chính quyền số, xây dựng Thành phố thông minh:**

Công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn về công tác CDS luôn được UBND huyện Ứng Hoà quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, mở chuyên trang, chuyên mục riêng trên cổng thông tin, điện tử huyện về công tác CDS

Công tác phát triển hạ tầng số luôn được Huyện quan tâm: Triển khai hạ tầng mạng wifi đồng bộ huyện, hiện đại hoá bộ phận một cửa huyện và các xã, thị trấn từ nguồn kinh phí kiến nghị, đề xuất Thành phố hỗ trợ; thực hiện cài đặt chuyển đổi thành công Ipv6 theo đúng nội dung Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 21/02/2020 của Thành phố.

Việc triển khai Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn huyện đạt nhiều kết quả tích cực, hoàn thành việc định danh và xác thực dữ liệu dân cư nhưng chưa có hướng dẫn của Thành phố về chia sẻ, kết nối dữ liệu tại bộ phận một cửa Huyện.

Việc triển khai hoá đơn điện tử đối với các doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn huyện đang từng bước bắt đầu được triển khai.

Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt được chú trọng; các hộ kinh doanh trên địa bàn đều có tài khoản thanh toán và mã quét QR để phục vụ cho việc thanh toán không dùng tiền mặt; việc chi trả phúc lợi, an sinh xã hội đã được triển khai cho các đối tượng chính sách đạt trên 80%.

### **3.2.2. Phát triển hạ tầng số:**

Đã hoàn thành chuyển đổi Ipv6 theo nội dung Kế hoạch 38/KH-UBND ngày 21/02/2020 của Thành phố;

Các trang thiết bị CNTT đã đáp ứng số lượng máy tính, máy in cho cán bộ chuyên môn theo quy định;

Bộ phận một cửa Huyện, xã, thị trấn mới dùng ở mức đảm bảo máy tính, máy in, máy Scan cho cán bộ chuyên môn sử dụng và người dân khi đến giao dịch; chưa triển khai đảm bảo bộ phận một cửa hiện đại theo quy định của Thành phố tại Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 về việc phê duyệt Đề án mô hình bộ phận một cửa hiện đại các cấp trên địa bàn TP Hà Nội;

Hạ tầng mạng Lan cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng của CBCCVC, hệ thống mạng Wifi đồng bộ đã được triển khai nhưng chưa đáp ứng nhu cầu công việc.

### **3.2.3. Phát triển nền tảng, hệ thống:**

Các hồ sơ, dữ liệu của Huyện chưa được xây dựng hệ thống kho lưu trữ tập trung hoặc thuê kho của các đơn vị triển khai bằng dịch vụ điện toán đám mây;

Chưa xây dựng được Hệ thống phân tích cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành chung của Lãnh đạo Huyện.

### **3.2.4. Phát triển dữ liệu số:**

Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành mới dừng lại việc số hoá hồ sơ lĩnh vực Tư pháp, lĩnh vực tài nguyên môi trường và hồ sơ của Văn phòng; chưa có tính năng khai thác, tổng hợp dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Huyện còn lại các đơn vị chuyên môn khác chưa có điều kiện để tiến hành số hoá hồ sơ chuyên ngành.

Các hồ sơ công việc hiện nay đã được tích hợp trên hệ thống phần mềm QLVB do Thành phố triển khai (trừ Văn bản mật theo quy định) và kết quả giải quyết TTHC cũng đã được tích hợp trên phần mềm dùng chung 3 cấp của Thành phố.

Việc triển khai dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trên địa bàn huyện đã được chỉ đạo tập trung triển khai, bước đầu phục vụ công tác tra cứu thông tin công dân và đăng ký tài khoản DVC TT trên hệ thống.

Việc triển khai hoá đơn điện tử có xác nhận của cơ quan Thuế trên địa bàn huyện đã được triển khai đến 100% các doanh nghiệp trên địa bàn huyện đồng thời có 59 hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có quy mô lớn đã được cấp hoá đơn điện tử có xác nhận của cơ quan Thuế, còn lại các hộ có nhu cầu đến trực tiếp mua hoá đơn tại chi cục Thuế.

Công tác an sinh xã hội được huyện chú trọng triển khai, chế độ an sinh xã hội được huyện triển khai chi trả qua tài khoản đạt tỷ lệ trên 80%.

Các ứng dụng dùng chung do Thành phố triển khai được UBND huyện tiếp nhận, vận hành theo đúng sự chỉ đạo của Thành phố.

### **3.2.5. Phát triển ứng dụng, dịch vụ:**

#### **\* Phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

Huyện Ứng Hoà đã tiếp nhận, vận hành, triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố theo đúng sự chỉ đạo của Thành phố.

Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các tuyến phố, khu điểm chợ, các cửa hàng kinh doanh trên địa bàn. Hiện nay, toàn huyện các cửa hàng, cơ sở kinh doanh đều đã triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Trang thông tin điện tử của huyện và 29 xã, thị trấn đã được UBND Thành phố hỗ trợ triển khai, hiện đang được khai thác, vận hành để thông tin, tuyên truyền nhiệm vụ kinh tế, xã hội theo đúng sự chỉ đạo của Thành phố.

**\* Phục vụ hoạt động điều hành nội bộ:**

Tiếp nhận, vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng do Thành phố triển khai tại cấp Huyện, xã; xây dựng hệ thống mạng Wifi đồng bộ huyện.

Tiếp nhận, vận hành tốt hệ thống QLVB do Thành phố triển khai, toàn bộ 100% hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên hệ thống mạng (*trừ văn bản mật theo quy định*). Hệ thống quản lý Văn bản đã được huyện triển khai ký số toàn trình từ chữ ký số do Ban cơ yếu chính phủ cấp.

**\* Duy trì, xây dựng, phát triển các ứng dụng chuyên ngành (sử dụng trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động) phục vụ nội bộ các cơ quan Nhà nước của Thành phố tại các cấp và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài Thành phố theo nhu cầu:**

UBND huyện Ứng Hoà đã được Thành phố hỗ trợ triển khai hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc qua hệ thống iCabinet, tích hợp khai báo thông tin đồng thời huyện đã hỗ trợ máy Ipad cho Lãnh đạo Huyện, các phòng ban và HĐND huyện đảm bảo hoạt động.

Trên địa bàn huyện mới triển khai 02 hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT đối với đài truyền thanh xã Hòa Nam và TT Vân Đình, 02 hệ thống đã được tích hợp tới hệ thống thông tin nguồn của Thành phố theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông. Còn lại các hệ thống đài truyền thanh hiện nay chưa được triển khai xây dựng hệ thống CNTT-VT theo sự chỉ đạo của Thành phố phải triển khai hoàn thành hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT chậm nhất trong năm 2025.

Chưa triển khai xây dựng hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của Lãnh đạo Huyện.

**3.2.6. An toàn thông tin mạng:**

Huyện đã triển khai thuê hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng theo mô hình 4 lớp do Thành phố hướng dẫn triển khai, hiện đã hết thời gian hợp đồng, cần được tiếp tục triển khai và cần phải có hệ thống phòng, chống mã độc từ bên ngoài các máy tính của Hệ thống;

Các máy tính huyện đang được Thành phố hỗ trợ phần mềm Kaspersky do Sở Thông tin và Truyền thông TP Hà Nội cung cấp, cài đặt.

30 Hệ thống thông tin của Huyện đã được phê duyệt cấp độ theo hướng dẫn và triển khai phương án an toàn hệ thống.

**3.2.7. Phát triển kinh tế số và xã hội số:**

**a. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số:**

Hàng năm, UBND huyện tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức cho CBCCV, mở chuyên trang, chuyên mục trên cổng thông tin của Huyện. Cử cán bộ, công chức đặc biệt cán bộ phụ trách công tác CDS tham gia các lớp tập huấn, tập huấn chuyên sâu do Thành phố tổ chức. Mời chuyên gia tổ chức Hội nghị về CDS cho lãnh đạo Huyện, các phòng, ban và lãnh đạo UBND các xã, thị trấn.

**b. Các nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số:**

Hàng năm, UBND huyện đều ban hành Kế hoạch chuyển đổi số, xây dựng TP Hà Nội thông minh trên địa bàn huyện Ứng Hoà, nội dung Kế hoạch gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Việc quy hoạch ngành đang được triển khai, xây dựng và khớp nối với Quy hoạch Thủ đô.

Huyện đã xây dựng trang quảng bá di sản kết hợp với quảng bá sản phẩm nông sản; nhiều sản phẩm đã được đưa lên kênh thương mại điện tử như facebook, zalo... các sản phẩm gần như chưa được đăng tải lên sàn thương mại điện tử.

**c. Hạ tầng:**

Phối hợp các doanh nghiệp Viễn thông phát triển mạng 4G, 5G, băng rộng cố định, các dịch vụ viễn thông và Internet làm nền tảng cho phát kinh tế số và xã hội số.

**d. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng:**

Đẩy mạnh tuyên truyền, cung cấp tài liệu về Chuyển đổi số để thông tin tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh huyện, xã để cán bộ, công chức, người dân trên địa bàn huyện biết, sử dụng và chủ động áp dụng biện pháp đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng.

**e. Nhân lực số:**

UBND huyện đã triển khai đề án 01 về mô hình Nhà văn hoá tự quản, trong đó xây dựng tủ sách cơ sở tại các Nhà văn hoá thôn để thông tin, tuyên truyền giới thiệu các ấn phẩm sách cho nhân dân trên địa bàn.

**f. Phát triển kinh tế số:**

**\* Nông nghiệp và nông thôn:**

Các sản phẩm nông sản huyện chưa được hỗ trợ nhiều trong công tác quảng bá sản phẩm thương mại điện tử, chỉ mới dừng lại ở mức tuyên truyền trên facebook, zalo...

Chưa có nhiều mô hình triển khai ứng dụng khoa học Công nghệ cao trong sản xuất, trồng trọt và chăn nuôi.

**\* Y tế:** Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử; Kết quả: Tỷ lệ người dân có Hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 100%; Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt: 33,5%; Ngoài ra, Bệnh viện đa khoa Vân đình đã triển khai bệnh án điện tử, thực hiện khám chữa bệnh cho 100% người dân trên địa bàn đến để đăng ký khám bệnh.

**\* Giáo dục và đào tạo:**

Tuyển sinh trực tuyến đầu cấp (Tuyển sinh đầu cấp vào các lớp 1, lớp 6 và mầm non 5 tuổi), kết quả: cấp Tiểu học đạt 90.6%; cấp Trung học cơ sở đạt 94.85%; cấp Mầm non đạt 100%.

Phối hợp với Phòng tài chính kế hoạch huyện, công ty MISA và các ngân hàng Viettinbank, Agribank triển khai quản lý nguồn thu không dùng tiền mặt đến 100% trường học trên địa bàn đạt mức độ 3 - Sử dụng App kết nối CSDL ngành, không yêu cầu mở tài khoản, tự động thông báo học phí, đối soát nợ...;

Phối hợp với công ty Quảng ích và các đơn vị cung cấp chữ ký số triển khai tập huấn sử dụng hồ sơ số sách đến 100% các trường học trên địa bàn.

**\* Lao động, việc làm và an sinh xã hội:**

Thực hiện chi trả chế độ an sinh xã hội qua tài khoản cho đối tượng chính sách: 14.530/14896 đối tượng CK đạt 97.54%.

Tính đến ngày 15/9/2024: Tổng số người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH đăng ký không dùng tiền mặt là 7881/7976 người, chiếm tỷ lệ 98.8%.

**\* Văn hoá và Du lịch:**

Triển khai xây dựng trang Quảng bá di sản trên địa bàn huyện để giới thiệu di sản, địa điểm du lịch và ẩm thực, sản phẩm nông sản tiêu biểu, đặc trưng của Huyện.

**\* Thanh toán không dùng tiền mặt:**

Việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt được áp dụng phổ biến tại các ngành, lĩnh vực, trong đó nổi bật việc chi trả trợ cấp, thu phí không dùng tiền mặt trong ngành giáo dục, thí điểm triển khai tại đường đôi trung tâm thương mại, thị trấn Vân Đình: UBND huyện đã ban hành văn bản 1052/UBND-KT ngày 24/5/2024 về việc triển khai thực hiện hình thức thanh toán không dùng tiền mặt tại tuyến phố thương mại trên địa bàn huyện.

**\* Hoá đơn điện tử, biên lai điện tử:** Bước đầu đã được thông tin, tuyên truyền người dân, trong thời gian tới cần đẩy mạnh triển khai.

**\* Lĩnh vực tài nguyên và môi trường:** Triển khai số hoá hồ sơ quản lý đất đai nhưng chưa xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ, phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo.

**\* Lĩnh vực khác:**

Huyện đã triển khai số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực Tư pháp theo đúng sự chỉ đạo của Thành phố.

**3.2.8. Phát triển xã hội số:**

Đã đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, gửi các đường Link cung cấp văn bản để người dân truy cập và học tập. Đồng thời tuyên truyền, cảnh báo hoạt động lừa đảo của các đối tượng trên mạng xã hội.

Phối hợp với đơn vị Thành phố tiến hành khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân trong công tác triển khai TTHC, DVC TT... Triển khai đánh giá

sự hài lòng của người dân khi tham gia thực hiện TTHC, DVC TT tại bộ phận một cửa huyện, xã.

**\* Đánh giá chung:**

**- UBND huyện đã chỉ đạo, triển khai:**

+ Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số hàng năm; Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 11/3/2024 về Kế hoạch triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số điển hình trên địa bàn huyện Ứng Hòa.

+ Chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh năm 2024; Kế hoạch triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số điển hình trên địa bàn các xã, thị trấn.

+ Chỉ đạo hệ thống đài truyền thanh từ huyện đến các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về việc triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

**- Một số kết quả triển khai, thực hiện:**

**+ Phát triển chính quyền số:**

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trên hệ thống đài truyền thanh huyện, trên cổng thông tin điện tử huyện, trang thông tin điện tử các xã, thị trấn, trên trang mạng xã hội Zalo, fanpage...

Duy trì vận hành tốt các hệ thống dùng chung do Thành phố triển khai, Hoàn thiện chuyển đổi hệ thống Ipv4 sang hệ thống Ipv6, xây dựng Hệ thống Wifi đồng bộ huyện và nâng cấp, hiện đại hoá bộ phận một cửa huyện, xã từ nguồn kinh phí Thành phố hỗ trợ. Triển khai cấp ký số chuyên dùng của Chính phủ cho 100% cán bộ, công chức, viên chức để ký số toàn trình;

An toàn thông tin mạng: Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ theo quy định; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành, Tiếp tục duy trì thuê dịch vụ giám sát an toàn, an ninh thông tin của huyện và hệ thống của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

**+ Phát triển kinh tế số và xã hội số**

Phối hợp với các nhà mạng Viettel, Vina, Mobi hỗ trợ chuyển đổi máy điện thoại 2G sang máy điện thoại 4G cho 1.600 khách hàng trên địa bàn huyện.

Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng chữ ký số miễn phí khi tham gia giao dịch DVC TT trên địa bàn huyện, do việc triển khai chữ ký số miễn phí chỉ được 1 năm và hệ thống DVC TT chưa được tích hợp và bắt buộc áp dụng nên kết quả đạt được vẫn còn ít, chỉ có trên 600 người đăng ký sử dụng:

Lĩnh vực Lao động – Thương binh và xã hội: Thực hiện chi trả chế độ an sinh xã hội qua tài khoản cho đối tượng chính sách: 14.530/14896 đạt 97.54%.

Lĩnh vực BHXH: Tổng số người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH đăng ký

không dùng tiền mặt là 7856/7981 người, chiếm tỷ lệ 98.4%

Lĩnh vực y tế: Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử; Kết quả: Tỷ lệ người dân có Hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 100%; Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 31%; Ngoài ra, Bệnh viện đa khoa Vân Đình đã triển khai bệnh án điện tử, thực hiện khám chữa bệnh cho 100% người dân trên địa bàn đến để đăng ký khám bệnh.

Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Tuyển sinh trực tuyến đầu cấp (Tuyển sinh đầu cấp vào các lớp 1, lớp 6 và mầm non 5 tuổi), kết quả: cấp Tiểu học đạt 90.6%; cấp Trung học cơ sở đạt 94.85%; cấp Mầm non đạt 100%.

Việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt được áp dụng phổ biến tại các ngành, lĩnh vực, trong đó nổi bật việc chi trả trợ cấp, thu phí không dùng tiền mặt trong ngành giáo dục, thí điểm triển khai tại đường đôi trung tâm thương mại, thị trấn Vân Đình.

Chỉ đạo triển khai cài đặt ứng dụng iHaNoi, kết quả đến ngày 10/10/2024 có trên 37.500 công dân đã cài đặt ứng dụng.

Xây dựng trang quảng bá di sản huyện để giới thiệu, quảng bá các di sản, ẩm thực, món ăn với tên miền: <https://miendisanngoaido.unghoa.hanoi.gov.vn>.

Phối hợp đài truyền hình Hà Nội xây dựng chương trình quảng bá trên Youtube: <https://www.youtube.com/channel/UCCasTwTraR9KzaRNWuZQ> Dg để giới thiệu các đặc sắc, đặc trưng và các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Ứng Hoà.

Phối hợp với FPT Hoàn thiện việc lắp đặt mạng wifi miễn phí phục vụ nhân dân tại Nhà văn hoá 145 thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện.

#### **- Các khó khăn, vướng mắc**

Do điều kiện kinh tế huyện còn gặp nhiều khó khăn nên việc triển khai số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Huyện còn ít; chưa triển khai kho dữ liệu tập trung của Huyện để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành cũng như sẵn sàng kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành chung của Thành phố.

Lực lượng cán bộ CNTT từ huyện đến cơ sở còn hạn chế, cấp xã chưa có định biên chính thức về CNTT nên công tác triển khai gặp nhiều khó khăn.

Huyện Ứng Hoà là huyện thuần nông, điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, lực lượng lao động trẻ tập trung đi làm ăn xa hay đến các khu công nghiệp để lao động nên cũng ảnh hưởng đến việc phát triển xã hội số.

## PHẦN IV

### TẦM NHÌN, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

#### 1. Tầm nhìn đến năm 2030

Triển khai áp dụng công nghệ số, dữ liệu số để điều chỉnh thể chế, cấu trúc lại quy trình, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội huyện; phát triển mạnh kinh tế số tạo nền tảng thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực mới, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp và thương mại dịch vụ, du lịch.

#### 2. Quan điểm

##### 2.1. Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số.

Chính quyền số là toàn bộ hoạt động chính quyền an toàn trên môi trường số, có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng tốt hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, giải quyết hiệu quả hơn các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức. Một cơ quan, tổ chức có thể tiến hành chuyển đổi số ngay thông qua việc sử dụng nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hóa toàn bộ tài sản thông tin của mình, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

Mỗi cơ quan, tổ chức cần tận dụng tối đa cơ hội để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, trong đó, việc xác định sớm lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương có ý nghĩa sống còn, là cơ hội để phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương. Đi nhanh, đi trước sẽ giúp các địa phương dễ thu hút nguồn lực. Nếu đi chậm, đi sau, khi chuyển đổi số đã trở thành xu hướng phổ biến thì nguồn lực trở nên khan hiếm, cơ hội sẽ ít đi, sẽ bỏ lỡ cơ hội phát triển.

##### 2.2. Người dân là trung tâm của chuyển đổi số.

Định hướng mở, lấy người dân làm trung tâm để người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác tham gia vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để tăng cường tính minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ. Thiết bị di động thông minh là phương tiện chính của người dân trong thế giới số. Hình thành văn hóa số gắn với bảo vệ văn hóa, giá trị đạo đức căn bản của con người và chủ quyền số quốc gia. Chuyển đổi số là phương thức để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. 9 lĩnh vực có tác động nhiều đến xã hội, liên quan hàng ngày tới người dân, làm thay đổi nhận thức nhanh nhất, mang lại hiệu quả cao nhất, giúp tiết kiệm chi phí cần ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trước, bao gồm: Y tế, Giáo dục, Nông nghiệp, Du lịch, Giao thông vận tải và logistics, Tài nguyên môi trường, Năng lượng, Sản xuất công nghiệp, tài chính - ngân hàng.

### **2.3. Chính sách và công nghệ là động lực của chuyển đổi số**

Chính sách cần phải đi trước một bước khi có thể. Chính quyền xây dựng cơ chế chính sách nhằm sẵn sàng chấp nhận và thử nghiệm cái mới một cách có kiểm soát; làm điếm, làm nhanh, sau đó đánh giá và nhân rộng; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo. Chính quyền đẩy nhanh tiến trình phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số.

Doanh nghiệp công nghệ số là lực lượng chủ lực phát triển các hạ tầng, nền tảng, dịch vụ, tư vấn, cung cấp giải pháp chuyển đổi số; đi từ ứng dụng, đến sản phẩm, dịch vụ, đến làm chủ một số công nghệ lõi, để từ đó vươn ra thị trường toàn cầu.

### **2.4. Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả.**

Công nghệ số đang thay thế CNTT, các công nghệ mới của cuộc cách mạng 4.0 cho phép chúng ta dùng nền tảng để làm đồng loạt, thay vì làm dần từng nội dung. Chính quyền điện tử vì vậy sẽ được đẩy nhanh hơn và chi phí rẻ hơn. Dữ liệu đang là tài nguyên mới, cơ quan nhà nước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở để phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Phát triển nền tảng số phải là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả. Phát triển các nền tảng số theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ, thông suốt, có thể sử dụng ở mọi nơi. Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế cũng là giải pháp quan trọng để thực hiện chuyển đổi số, đặc biệt là thúc đẩy chuyển đổi số trong xã hội, từ đó, tạo động lực thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số trong chính quyền. Các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông CNTT cần phải hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, tiên phong áp dụng công nghệ mới, mô hình mới.

### **2.5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số.**

Bảo đảm an toàn thông tin mạng được xác định có vị trí đặc biệt quan trọng, là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành. Ưu tiên hàng đầu trên tất cả các cấp độ là chính quyền, doanh nghiệp cho đến người dân đều có trách nhiệm xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm an toàn thông tin mạng được coi là yếu tố then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số. Quá trình chuyển đổi số dẫn đến số lượng thiết bị Internet vạn vật (IoT) và dung lượng dữ liệu sinh ra, được xử lý tăng theo cấp số nhân, Do vậy tất cả các thiết bị, sản phẩm, phần mềm, hệ thống thông tin, dự án đầu tư về CNTT đều có cấu phần bắt buộc về an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế. Bảo đảm an toàn thông tin mạng phải luôn được coi là nhiệm vụ trọng yếu, then chốt cần được đặc biệt ưu tiên trong thời gian tới nhất là trong bối cảnh các doanh nghiệp chuyển đổi mô hình kinh doanh và tăng

cường áp dụng công nghệ số trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

## **2.6. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.**

Với những nền tảng xã hội sẵn có như hiện nay, chuyển đổi số không yêu cầu quá nhiều về cơ sở vật chất mà cần nhất là thay đổi trong tư duy. Vì vậy, những định hướng rõ ràng và quyết tâm cao của cả hệ thống chính quyền các địa phương, sẽ góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong toàn bộ hệ thống chính trị và cộng đồng, xã hội. Chuyển đổi chính quyền số thành công sẽ làm động lực dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số, trong đó đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, áp dụng toàn diện công nghệ số trong đời sống, sản xuất, kinh doanh, thực thi công vụ là cốt lõi trên cơ sở lấy người dân làm trung tâm.

Kết hợp hài hòa, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số vì Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia có tính động, mở, bao trùm, tạo nền móng, làm cơ sở xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp phải coi chuyển đổi số là một nhiệm vụ quan trọng trong chỉ đạo, điều hành và căn cứ tình hình cụ thể của từng địa phương, tổ chức, doanh nghiệp để quyết định xây dựng đề án, chương trình, chiến lược, kế hoạch lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan. Nội dung chuyển đổi số phải được chỉ đạo, giám sát, đánh giá định kỳ hằng năm, giữa nhiệm kỳ, 05 năm.

## **3. Mục tiêu**

### **3.1. Mục tiêu tổng quát.**

Đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền tiến tới xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường.

Chuyển đổi số huyện Ứng Hòa đặt ra các mục tiêu bao gồm: Cung cấp DVC chất lượng cao cho người dân và doanh nghiệp; Huy động sự tham gia rộng rãi của người dân, doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số; hoạt động của các cơ quan nhà nước được vận hành tối ưu dựa trên dữ liệu và công nghệ số; giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế-xã hội như: Kinh tế, y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, tài nguyên và môi trường,... Chuyển đổi từ Chính quyền điện tử thành Chính quyền số là sự chuyển đổi có tính căn bản: Từ DVC trực tuyến thành dịch vụ số; khái niệm hệ thống CNTT được thay bằng hệ thống nền tảng; từ tiếp cận theo hướng dịch vụ trở thành tiếp cận hướng dữ liệu; từ công nghệ Web thành công nghệ 4.0 như: Di động (Mobile), đám mây (Cloud), trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT); từ sự tham gia của cơ quan nhà nước thành sự tham gia của nhà nước, người dân, doanh nghiệp; từ cải cách TTHC thành thay đổi mô hình quản trị. Từ đo lường số lượng DVC trực tuyến thành DVC số. Thách thức của Chính quyền điện tử chính là liên thông, tích hợp thì thách thức của Chính quyền số lại là quản lý sự thay đổi.

## **3.2. Mục tiêu cơ bản**

### **3.2.1. Mục tiêu đến năm 2025**

#### **a. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động**

##### **- Đến hết năm 2024:**

+ Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trong tổng hồ sơ đã tiếp nhận đạt trên 95% trở lên; tỷ lệ hồ sơ được giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong tổng hồ sơ đã tiếp nhận đạt trên 95% trở lên; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

+ 80% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

##### **- Đến năm 2025:**

+ Phát triển các hệ thống nền tảng Chính quyền điện tử phù hợp với lộ trình của Chính phủ, của Thành phố đề ra: 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được hoàn thành và kết nối, chia sẻ để sử dụng chung; 100% số lượng tổ chức, người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả hệ thống thông tin của chính quyền các cấp; 100% hồ sơ công việc tại các cấp chính quyền được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% hệ thống báo cáo được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

+ 90% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công trực tuyến toàn phần trên tổng số hồ sơ đạt 100%; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

+ 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

+ Các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả trên địa bàn huyện; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- + Duy trì top 10 thành phố về chỉ số hài lòng người dân, tổ chức (SIPAS).
- + 80% người dân sử dụng ứng dụng Công dân Ứng Hòa với tài khoản định danh duy nhất để truy cập dịch vụ công;
- + Quản lý 100% hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị của Huyện.
- + 100% điểm đến du lịch triển khai điểm chấp nhận thanh toán qua dịch vụ thanh toán trực tuyến;
- + Hình thành Trung tâm giám sát điều hành của Huyện;
- + Hình thành Kho dữ liệu số của Huyện kết nối với các cơ sở dữ liệu cấp thành phố và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Huyện;
- + Hình thành cơ sở dữ liệu Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Doanh nghiệp của Huyện;

### **b. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế**

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 15%.
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 10%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 70%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%

### **c. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số**

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang bao phủ 100% xã, thị trấn và hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh.
- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh thực hiện cài đặt và sử dụng các ứng dụng tương tác với chính quyền điện tử đạt trên 50%.
- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác trên 50%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 30%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 50%.
- Tỷ lệ dân số kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 50%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 30%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 90%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 30%.

### **3.2.1. Định hướng đến năm 2030**

#### **a. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động**

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công trực tuyến toàn phần trên tổng số hồ sơ đạt 100%.

- Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước; giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

#### **b. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế**

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 10%.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 90%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

#### **c. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số**

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác trên 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;

- Tỷ lệ dân số kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 100%;

-Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

## PHẦN V

### NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN HUYỆN ỨNG HÒA

#### 1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

##### 1.1. Chuyển đổi nhận thức

Người đứng đầu các đơn vị tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách;

Tổ chức các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ cấp huyện đến cấp xã, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị;

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng;

Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông của huyện;

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân về sử dụng Internet, thư điện tử, giao dịch điện tử, mua bán trực tuyến, tham gia sàn giao dịch nông sản, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an toàn thông tin cá nhân,...

##### 1.2. Kiến tạo thể chế

Xây dựng cơ chế chính sách theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số, thúc đẩy phương thức quản lý mới đối với những mối quan hệ mới phát sinh, bao gồm:

Xây dựng và ban hành các quy định về tính pháp lý của dữ liệu số (trong đó có quy định về việc thu thập dữ liệu một lần); quy định số hóa dữ liệu, trong đó chú trọng đến quy định danh mục các dữ liệu cơ quan nhà nước phải số hóa theo lộ trình đồng thời chuẩn hóa nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ để khai thác, vận hành có hiệu quả các dữ liệu được số hóa;

Xây dựng và ban hành Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của CSDL huyện Ứng Hòa; quy định về định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức; bổ sung, sửa đổi quy định về đảm bảo an toàn thông tin mạng của huyện

trên nên tăng chính sách chung của Thành phố và quốc gia; quy định về quản trị, giám sát và vận hành cho hệ thống thông tin Chính quyền số;

Ban hành quy định ưu tiên doanh nghiệp địa phương thực hiện chuyển đổi số để đồng hành cùng chính quyền trong công cuộc chuyển đổi số, huy động nguồn lực doanh nghiệp đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển chất lượng doanh nghiệp CNTT trên địa bàn;

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, viễn thông, đầu tư phát triển Khu CNTT tập trung nhằm phục vụ triển khai, phát triển Chính quyền số, Khu đô thị thông minh;

Thúc đẩy hoạt động các tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đến tận cấp đơn vị, cấp cơ sở, xã, tổ, đội với nòng cốt là đơn vị chuyên trách về CNTT, có sự tham gia của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, CNTT tại mỗi địa phương; tham gia vào Mạng lưới công nghệ số cộng đồng toàn quốc theo hướng dẫn tại Văn bản số 793/BTTTT-THH ngày 05/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

### **1.3. Phát triển hạ tầng số**

Phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về kết nối và xử lý dữ liệu, các chức năng về giám sát mạng lưới đến từng nút mạng và bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tích hợp sẵn ngay từ khi thiết kế, xây dựng, bao gồm:

Phối hợp với các doanh nghiệp triển khai chương trình mỗi người dân một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình một đường Internet cáp quang, mỗi hộ gia đình một địa chỉ số;

Thí điểm và nhân rộng việc xây dựng và sử dụng mạng 5G cùng với lộ trình bỏ mạng 2G, 3G; đảm bảo phủ sóng 4G 100% tại mọi địa điểm của huyện đến năm 2025;

Chuyển đổi toàn bộ các hệ thống ứng dụng CNTT của huyện sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6);

Duy trì hiệu quả hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của huyện;

Triển khai hệ thống Wifi công cộng thông minh trên địa bàn huyện nhằm phục vụ nhu cầu truy cập thông tin qua mạng Internet thuận lợi cho nhà đầu tư, khách du lịch và nhân dân trong huyện khai thác các tiện ích được cung cấp bởi ĐTTM, Chính quyền số;

Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, năng lượng, điện, nước, ... để chuyển đổi thành hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu của huyện phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối Internet vạn vật (IoT), tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Đến năm 2025, xây

dựng hạ tầng IoT (bao gồm cả cảm biến IoT) theo các lĩnh vực khác nhau phục vụ nhu cầu về quản lý, điều hành, sản xuất, kinh doanh và phát triển như quản lý đô thị, môi trường, giao thông, an ninh trật tự, nguồn nước,...

#### **1.4. Phát triển nền tảng số**

Xây dựng nền tảng dữ liệu mở nhằm cung cấp thông tin tới người dân, doanh nghiệp một cách nhanh chóng nhằm thúc đẩy đầu tư, phát triển kinh tế địa phương;

Xây dựng hệ thống theo dõi, chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu và dữ liệu xuyên suốt giữa các phòng ban trong huyện và liên thông với Thành phố.

Tổ chức số hóa 100% dữ liệu chuyên ngành tại các cơ quan nhà nước để từng bước chia sẻ, kết nối cơ sở dữ liệu dùng chung Quốc gia.

#### **1.5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng**

Đảm bảo an toàn thông tin mạng là điều kiện tiên quyết để chuyển đổi số. Để đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin của huyện cần dành ít nhất 10% ngân sách cho CNTT, thực hiện thuê doanh nghiệp chuyên trách về an toàn thông tin để bảo vệ các hệ thống thông tin của huyện theo mô hình 4 lớp đáp ứng đúng quy định tại Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ phụ trách an toàn thông tin kết hợp với nhân sự phụ trách CNTT các doanh nghiệp, tổ chức.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin triển khai các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến các cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước, nhân viên của các doanh nghiệp, người dân theo tần suất định kỳ hàng năm.

Tổ chức đánh giá mức độ an toàn các hệ thống thông tin của huyện; hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính quyền số; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

#### **1.6. Phát triển nguồn nhân lực**

Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong các cơ quan nhà nước: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các khóa đào tạo kỹ năng số cho các cán bộ lãnh đạo, CBCC, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước. Các cán bộ này phải chủ động, tiên phong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số và dẫn dắt quá trình chuyển đổi số. Xây dựng và phát triển mô hình, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có ít nhất 1 nhân sự nòng cốt về chuyển đổi số theo hướng đào tạo tại chỗ từ nguồn nhân lực tại chỗ để từ đó tiếp tục nhân rộng, lan tỏa.

Phát triển, đổi mới và hiện đại hóa các cơ sở giáo dục đào tạo: Tiếp tục phát triển, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ giáo dục đào tạo tại các cơ sở giáo dục đào tạo huyện Ứng Hòa;

## **1.7. Các nhiệm vụ, giải pháp khác cần triển khai đến năm 2025**

### **1.7.1. Đầu tư hạ tầng**

Nâng cấp, hoàn thiện mạng nội bộ (LAN) phục vụ các đơn vị trong Huyện và thuê các trang thiết bị văn phòng phục vụ cán bộ công chức, viên chức Huyện.

Tiếp tục triển khai và nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mạng theo “mô hình 4 lớp” theo sự chỉ đạo của Thành phố.

Trang bị hệ thống camera giám sát an ninh trật tự

Triển khai mới hệ thống wifi tại các địa điểm công cộng, điểm du lịch kết hợp tính năng truyền thông quảng bá tới các thiết bị truy cập

Xây dựng huyện Ứng Hoà có 02- 03 khu đô thị thông minh.

### **1.7.2. Đầu tư ứng dụng**

Phát triển nền tảng dùng chung:

- Xây dựng phần mềm: Quản lý cơ sở dữ liệu

+ Phần mềm phục vụ truy xuất dữ liệu để tổng hợp số liệu phục vụ báo cáo KTXH, báo cáo tháng, quý, năm, trung hạn, các chương trình, đề án của Huyện ủy, Thành ủy, Thành phố;

+ Phần mềm cho phép định nghĩa các chỉ tiêu báo cáo, giám sát quá trình nhập liệu, quản lý phê duyệt cơ sở dữ liệu khi các đơn vị nhập vào hệ thống.

+ Dữ liệu đầu vào được tự động nhập thông qua liên kết với các phần mềm do các đơn vị đang sử dụng và có thể nhập tay (thông qua kiểm duyệt)

+ Phần mềm hiển thị theo các lớp tùy theo phân cấp quản lý;

+ Hiển thị trực quan các dữ liệu báo cáo dưới dạng biểu đồ, dashboard, hoặc một số bảng biểu theo yêu cầu báo cáo.

- Triển khai Hệ thống phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp

+ Lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau của các cấp, các ngành, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của Thành phố.

Hệ thống thông tin báo cáo chỉ đạo điều hành

Hệ thống giám sát thông tin trên môi trường mạng

+ Hệ thống giám sát liên tục chủ động các thông tin về Huyện trên các nguồn internet như: Các trang tin tức trực tuyến; Báo mạng; Diễn đàn; Blog; Mạng xã hội về mọi mặt của Huyện như: Văn hóa; Chính trị; Xã hội; Kinh tế...

Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao

thông, môi trường, năng lượng, điện, nước, ... để chuyển đổi thành hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu của Huyện phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối Internet vạn vật (IoT), tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Đến năm 2025, xây dựng hạ tầng IoT (bao gồm cả cảm biến IoT) theo các lĩnh vực khác nhau phục vụ nhu cầu về quản lý, điều hành, sản xuất, kinh doanh và phát triển như quản lý đô thị, môi trường, giao thông, an ninh trật tự, nguồn nước,...

Tổ chức số hóa 100% dữ liệu chuyên ngành tại các cơ quan nhà nước.

### **1.7.3. Ứng dụng phục vụ điều hành**

- Xây dựng phần mềm, CSDL, bản đồ số Quản lý quy hoạch, hạ tầng đô thị:

+ Cung cấp thông tin quy hoạch, hạ tầng theo các lớp: giao thông, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật cấp điện, nước, TTLL trên nền bản đồ tỷ lệ 1/500;

+ Cung cấp các số liệu tổng hợp đô thị: số km đường đã thực hiện theo QH số km đường ống thoát nước mưa, nước thải, đường kính thoát nước...

- Xây dựng phần mềm CSDL, bản đồ số: Quản lý thông tin đất đai

+ Cung cấp thông tin hiện trạng sử dụng đất nền bản đồ tỷ lệ 1/500;

+ Cấp giấy CNQSDĐ 100% hồ sơ theo hệ tọa độ VN 2000;

+ Cập nhật KH SĐĐ hàng năm, trung hạn theo lớp trên nền QH SĐĐ.

- Xây dựng phần mềm CSDL, bản đồ số: Quản lý giảng dạy

+ Triển khai Hệ thống quản lý dạy học trực tuyến cho các trường phổ thông trong địa bàn Huyện

+ Quản lý toàn diện công tác điểm danh, dạy học, kiểm tra, đánh giá thông qua môi trường trực tuyến.

+ Đầu tư xây dựng các lớp học thông minh nhằm nâng cao chất lượng dạy học và đào tạo trong nhà trường

+ Giải pháp giúp tăng cường khả năng tương tác đa chiều giữa giáo viên và học sinh học sinh với học sinh qua việc dạy nhóm, học nhóm, thảo luận nhóm thông qua phần mềm quản lý lớp học. Đồng thời giáo viên có thể điều hành lớp học và giám sát bài học trên máy của học sinh được chọn hoặc tất cả các máy học sinh trong lớp chỉ với một vài thao tác đơn giản trên máy của giáo viên.

- Xây dựng bản đồ nền địa lý của huyện, phục vụ kết nối chia sẻ dữ liệu bản đồ nền với các cơ quan đơn vị sử dụng dịch vụ bản đồ số.

- Xây dựng phần mềm CSDL, bản đồ số: Quản lý di tích, các cơ sở hoạt động văn hóa

+ Cung cấp thông tin về ranh giới bảo vệ di tích nền bản đồ tỷ lệ 1/500, thông tin, bài viết, hình ảnh giới thiệu kiến trúc công trình, đồ thờ tự;

+ Scan 3D một số di tích cấp quốc gia tiêu biểu để quảng bá và phục vụ tu bổ tôn tạo, số hóa hình ảnh các di tích có giá trị tiêu biểu đã được xếp hạng;

- + Tổng hợp thông tin báo cáo đánh giá từ tổ dân phố.
- + Xây dựng và vận hành chuyên trang chuyển đổi số của huyện phổ biến kiến thức, chủ trương, các hoạt động và ứng dụng chuyển đổi số của huyện.
- Xây dựng phần mềm CSDL, bản đồ số: Quản lý y tế
- + Cung cấp thông tin về vị trí, chức năng, dịch vụ cung cấp, lịch tiêm chủng ... tại các TTYT, PKĐK, các trạm y tế;
- + Lưu trữ và cho phép truy cập điện tử HS khám bệnh đối với toàn bộ công dân đã sử dụng dịch vụ: các thông tin về tiêm chủng, các chỉ số về máu, sinh hóa...
- + Quản lý bệnh nhân, vật tư, thuốc
- + Quản lý hoạt động các cơ sở y tế, các cửa hàng thuốc trên địa bàn huyện
- Xây dựng phần mềm, CSDL, bản đồ số: Quản lý kinh tế:
- + Quản lý đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã;
- + Quản lý chợ, trung tâm thương mại;
- + Cập nhật vị trí các doanh nghiệp trên bản đồ huyện...
- Quản lý hộ tịch
- + Hoàn thiện công tác số hóa hộ tịch trên địa bàn huyện, tích hợp và lưu trữ dữ liệu tại kho dữ liệu số của huyện, tích hợp dữ liệu lên phần mềm 158 Bộ Tư pháp
- Xây dựng phần mềm, CSDL, bản đồ số: Quản lý bảo hiểm, người có công
- Xây dựng phần mềm, CSDL, bản đồ số: Quản lý dự án đầu tư xây dựng
- + Lập dự án đầu tư, quản lý thi công xây dựng công trình, quản lý quyết toán, quản lý giải phóng mặt bằng...;
- Số hóa, tạo lập, cập nhật dữ liệu đảng viên từ phiếu lý lịch đảng viên.
- Xây dựng phần mềm, CSDL, bản đồ số ngành Nông nghiệp: quản lý các nghiệp vụ ngành nông nghiệp như kê điều, công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương nội đồng, quản lý trồng trọt, chăn nuôi thú ý, cung cấp các bản tin nông vụ tự động qua hệ thống bản đồ dùng chung của huyện.

#### **1.7.4. Phát triển các ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp**

Xây dựng trang Quảng bá di sản kết hợp giới thiệu sản phẩm đặc sắc của địa phương, tạo điều kiện thuận tiện để phát triển kinh tế, quảng bá du lịch.

Triển khai các hệ thống phần mềm và ứng dụng hỗ trợ doanh nghiệp trọng điểm trên địa bàn huyện quản trị sản xuất, quản trị kinh doanh, ứng dụng khai thác và ứng dụng dữ liệu lớn trong quản trị, vận hành doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp.

## **2. Phát triển Chính quyền số**

Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

Nâng cấp phát triển hạ tầng CNTT theo hướng xây dựng hạ tầng số; ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

Xây dựng và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước; tích hợp, kết nối và chia sẻ với các CSDL có sẵn trong Thành phố, quốc gia cũng như địa phương khác thông qua nền tảng chia sẻ dữ liệu của Thành phố; hướng tới việc khai thác và sử dụng hiệu quả dữ liệu.

Triển khai chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan hành chính nhà nước, các khối Đảng, đoàn thể.

## **3. Phát triển Kinh tế số**

Phát triển kinh tế số với trọng tâm là thúc đẩy nhận thức chuyển đổi số trong doanh nghiệp và nhận thức về phát triển thương mại điện tử tại các doanh nghiệp. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp cần tập trung vào các loại doanh nghiệp bao gồm:

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số tại các doanh nghiệp trọng điểm trên địa bàn huyện Ứng Hoà;

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số tại các hợp tác xã, tổ chức kinh tế tập thể;

+ Khuyến khích, phối hợp tuyên truyền các mô hình đột phá từ các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội.

+ Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn huyện, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc nâng cao nhận thức chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường mới, tạo ra sản phẩm dịch vụ mới, từ đó có bước đột phá về hiệu quả kinh doanh.

## **4. Phát triển Xã hội số**

Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số:

+ Xây dựng chuyên mục thông tin, tin tức về chuyển đổi số trên cổng thông tin điện tử của huyện và trên trang thông tin điện tử các xã, thị trấn;

+ Vận hành và đẩy mạnh hoạt động chuyên trang chuyển đổi số của Huyện.

+ Hướng dẫn, triển khai áp dụng Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, tạo lập niềm tin, hình thành văn hóa số trong cộng đồng

+ Giới thiệu và đào tạo các kỹ năng cần thiết trong môi trường số (kỹ năng tin học cơ bản; tìm kiếm thông tin qua công cụ số, mạng xã hội; tin học văn phòng;...);

+ Triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số.

Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân:

+ Xây dựng môi trường đào tạo kỹ năng số;

+ Phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng.

## PHẦN VI

### CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN

Một số ngành, lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số trước, trong đó, chú trọng tới việc triển khai các sáng kiến nhằm liên kết giữa các ngành, lĩnh vực để cung cấp một trải nghiệm mới, hoàn toàn khác, mang lại giá trị cho người dân, doanh nghiệp và xã hội.

#### 1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Hộ tịch tư pháp:

Xây dựng Kế hoạch thu thập dữ liệu hộ tịch, tư pháp trên địa bàn huyện;

Triển khai số hoá dữ liệu Hộ tịch, tư pháp;

Tích hợp dữ liệu lên cơ sở dữ liệu chung của Thành phố và hệ thống kho lưu trữ tập trung tại huyện.

#### 2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục:

Số hóa toàn bộ dữ liệu từ các nhà trường đến phòng giáo dục giúp quản lý thông tin dễ dàng hơn, từ việc lưu trữ đến tìm kiếm và truy xuất tài liệu.

Triển khai hệ thống giám sát camera tập trung, lắp đặt camera giám sát sử dụng công nghệ AI cho các khu vực quan trọng của các trường học trên địa bàn nhằm hỗ trợ công tác quản lý và giám sát, đảm bảo an toàn và an ninh tại các nhà trường.

Triển khai ứng dụng điểm danh thông minh bằng các hình thức nhận diện khuôn mặt (camera AI), sinh trắc vân tay nhằm nâng cao chất lượng quản lý và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục.

Triển khai ứng dụng soạn giáo án ứng dụng công nghệ AI giúp giáo viên tận dụng công nghệ để nâng cao chất lượng giảng dạy và tối ưu hóa quá trình học tập của học sinh.

Tiếp tục triển khai, ứng dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý thư viện, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về trường, lớp, học sinh trên địa bàn huyện;

Xây dựng cơ sở dữ liệu điểm thi và điểm thi tuyển sinh cấp 3 phục vụ nhiệm vụ nâng cao chất lượng giảng dạy trên địa bàn huyện.

Xây dựng hạ tầng CNTT cho các trường theo hướng hiện đại, thiết thực, hiệu quả. Đến năm 2025, có 100% các trường được kết nối đường truyền Internet băng thông rộng; 100% học sinh được tiếp cận dịch vụ Internet và các

kho học liệu trực tuyến; 100% các trường học trên địa bàn huyện có trang thông tin điện tử hoặc trang zalo OA trường.

### **3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế:**

Triển khai số hóa vị trí nhà thuốc, cơ sở khám chữa bệnh, tiêm chủng... nhằm thúc đẩy các dịch vụ y tế trực tuyến và quản lý y tế thông minh, cải thiện khả năng tiếp cận và tìm kiếm của người dân đồng thời giúp tăng cường quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước.

Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin (Máy tính, máy in, scan, đường truyền...) phục triển khai các giải pháp chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế.

Triển khai bệnh án điện tử cho 100% trạm y tế, trung tâm y tế, và phòng khám đa khoa khu vực, lưu trữ hồ sơ bệnh án điện tử theo quy định pháp luật và sẵn sàng kết nối, đồng bộ với cơ quan quản lý cấp trên.

Phối hợp đẩy mạnh công tác triển khai hệ thống tư vấn khám chữa bệnh từ xa. Tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng và nền tảng tư vấn, hỗ trợ chăm sóc tư vấn sức khỏe từ xa.

### **4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp**

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

Số hóa dữ liệu ngành: Tập trung xây dựng hệ thống dữ liệu làng nghề, các địa điểm nông nghiệp, trang trại, cơ sở OCOP, ...tăng cường khả năng quản lý và giám sát phát triển nông thôn, thúc đẩy thương mại và quảng bá sản phẩm địa phương, hỗ trợ xây dựng chính sách và hoạch định phát triển nông nghiệp, đồng thời thúc đẩy phát triển du lịch làng nghề và nông nghiệp.

Ứng dụng CNTT vào quản lý, phát triển ngành:

+ Đưa vào sử dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao quy trình theo hướng hữu cơ, GAP...thông qua các phần mềm hỗ trợ trồng trọt, nông lịch, hệ thống tưới tự động.

+ Sử dụng phần mềm trong công tác quảng bá, giới thiệu, quản lý, buôn bán sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

+ Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

Nông nghiệp số: ứng dụng các công nghệ số kỹ thuật cao vào sản xuất nông nghiệp từ giai đoạn sản xuất đến tiêu thụ, các công nghệ cụ thể như: Tự

động tưới tiêu cây trồng (với hệ thống cảm biến IoT thông minh, người nông dân có thể điều khiển tại chỗ, hoặc điều khiển từ xa qua máy tính, máy điện thoại thông minh có kết nối Internet; với mỗi loại cây trồng, hệ thống tự động điều chỉnh chính xác lượng nước, lượng phân tùy nhu cầu của cây từng giai đoạn); cánh đồng lúa thông minh; trồng rau bằng điện thoại thông minh...

## **5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch**

### **5.1. Phát triển thông tin quảng bá du lịch**

Cung cấp thông tin về các địa điểm du lịch trên trang web của huyện.

Tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT trong ngành du lịch.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan hoàn thành việc số hóa toàn bộ các dữ liệu về di tích, Lễ hội truyền thống, khu du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, hướng dẫn viên du lịch, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú; liên kết với hệ thống cơ sở dữ liệu của Thành phố, của Quốc gia.

Triển khai ứng dụng Quản lý lưu trữ điện tử của huyện phục vụ nghiệp vụ quản lý, chính lý, lưu trữ, khai thác các hồ sơ thuộc huyện được hình thành dưới dạng điện tử. Đảm bảo tích hợp dữ liệu lên Trung tâm dữ liệu Thành phố và kho dữ liệu dùng chung của Huyện.

Hoàn thành triển khai hệ thống truyền thanh thông minh cho 27 xã trên địa bàn huyện nhằm thúc đẩy vai trò của hệ thống thông tin, tuyên truyền tại cơ sở và thực hiện tốt các mục tiêu trọng tâm tại Quyết định 135 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin”.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng hệ thống chatbot để phục vụ người dân và doanh nghiệp, đồng thời phục vụ cho cơ quan nhà nước trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, phản ánh kiến nghị. Đảm bảo khả năng tích hợp các hệ thống dữ liệu dùng chung khác để phục vụ quản lý điều hành của các cấp chính quyền trên địa bàn huyện.

### **5.2. Nâng cấp hệ thống dịch vụ phục vụ du lịch**

Cung cấp wifi miễn phí tại các địa điểm du lịch

Hợp tác với các bên liên quan trong ngành để thu thập và chia sẻ dữ liệu thông qua CSDL dùng chung

Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code...) ở tất cả các điểm đến du lịch.

Phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động sử dụng ứng dụng công nghệ thực tế ảo, công nghệ trí tuệ nhân tạo, trợ lý du lịch ảo và các công nghệ tiên tiến khác cung cấp đầy đủ các thông tin theo thời gian thực phục vụ du khách và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến như nhận dạng, định vị, truy vết nhằm nâng cao công tác quản lý, giám sát đối với du khách tham quan, hỗ trợ tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

## **6. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực khác**

Lĩnh vực Quản lý đô thị: Xây dựng ứng dụng Quản lý hạ tầng đô thị phục vụ hình thành, quản lý tập trung và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị (cây xanh, cấp thoát nước, chiếu sáng, vệ sinh môi trường, giao thông (đường, ngõ, hè, điện); Triển khai hệ thống điều khiển tín hiệu đèn giao thông do cấp huyện quản lý giúp nâng cao an toàn, giảm ùn tắc, tối ưu hóa giao thông đô thị, và góp phần xây dựng hệ thống giao thông hiện đại, hiệu quả hơn.

Lĩnh vực Kinh tế: Tiếp tục triển khai có hiệu quả phần mềm truy xuất nguồn gốc, phần mềm quản lý thông tin Hợp tác xã. Tăng cường việc tuyên truyền áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt đối với các hộ kinh doanh trên địa bàn huyện. Số hóa đưa vào kho dữ liệu dùng chung toàn bộ thông tin cửa hàng, đại lý, chợ truyền thống, trung tâm thương mại, ki ốt trên địa bàn.

Lĩnh vực Lao động Thương Binh và Xã hội: Triển khai hệ thống quản lý các đối tượng lĩnh vực lao động TBXH phục vụ công tác quản lý Nhà nước đối với công tác LĐ TBXH (người có công, đối tượng bảo trợ chính sách, đối tượng yếu thế, mộ liệt sỹ, lao động tiền lương, trẻ em) trong phạm vi quản lý của huyện.

## PHẦN VII

### KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); ngân sách Trung ương bổ sung Chương trình mục tiêu CNTT (thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia); nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, cơ chế chính sách, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số, chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

3. Đối với các đơn vị có các nguồn kinh phí được để lại theo quy định (đang để ngoài cân đối ngân sách): Việc sử dụng kinh phí để thực hiện Đề án thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật chuyên ngành.

Tổng kinh phí thực hiện đề án: 214 tỉ đồng.

Trong đó:

- Triển khai Chính quyền số: 95 tỷ đồng.
- Triển khai Kinh tế số: 70 tỷ đồng.
- Triển khai Xã hội số: 49 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục 2 Danh sách nhiệm vụ, dự án triển khai đề án)*

## PHẦN VIII

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **1. Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 huyện Ứng Hòa**

Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện trong việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện Đề án chuyển đổi số huyện Ứng Hòa giai đoạn 2025-2030 thuộc phạm vi quản lý. Nghiên cứu, đề xuất với Chủ tịch UBND huyện về chủ trương, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của huyện hướng tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án, hoạt động chuyển đổi số của huyện.

#### **2. Phòng Văn hoá và Thông tin**

Tham mưu tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch của Thành phố

về Chuyển đổi số trong quá trình phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương, qua đó tạo sự đồng thuận, thống nhất về quan điểm, hành động trong việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ.

Tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số chuyển đổi số của huyện.

Phối hợp với các phòng chuyên môn của Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các giải pháp đảm bảo nâng cao và duy trì thứ hạng đánh giá kết quả chuyển đổi số cấp huyện và xã; phối hợp với các phòng ban liên quan tham mưu UBND huyện triển khai nội dung của Đề án.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, căn cứ tình hình cụ thể của địa phương để tham mưu các nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của huyện.

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, cho ý kiến nội dung của các dự án, nhiệm vụ; tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình thực hiện đề án, nhiệm vụ.

Tổ chức hội nghị đánh giá, tổng kết hàng năm.

Chịu trách nhiệm về công tác chuyển đổi số của chính phòng Văn hoá và Thông tin.

### **3. Văn phòng HĐND&UBND huyện**

Tổ chức thực hiện các giải pháp đảm bảo nâng cao chỉ số chuyển đổi số của huyện liên quan đến các nhiệm vụ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và các nhiệm vụ theo lĩnh vực của phòng để triển khai, hoàn thành Đề án.

Phối hợp với các phòng ban liên quan của Huyện và cơ quan của Thành phố triển khai các ứng dụng, dịch vụ liên quan đến chuyển đổi số.

Giám sát, tổng hợp và báo cáo tiến độ thực hiện của các đơn vị theo nhiệm vụ đã được giao.

### **4. Phòng Tài chính và Kế hoạch**

Tham mưu Chủ tịch UBND huyện bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung của Đề án từ nguồn kinh phí được giao.

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện trong việc triển khai các nội dung Đề án theo lĩnh vực phòng được giao.

### **5. Các Phòng, Ban, đơn vị trực thuộc UBND huyện; các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan**

Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số và vai trò của chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, công dân trên địa bàn huyện.

Chủ động nghiên cứu, rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách, chương trình,

dự án để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện thanh toán điện tử; khẩn trương triển khai đối với các dịch vụ thiết yếu như thanh toán tiền điện, nước, các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ y tế, giáo dục, vệ sinh môi trường, nộp các loại thuế, phí hàng năm,...

Trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số lĩnh vực phòng phụ trách được UBND huyện; Chủ tịch UBND huyện giao.

## **6. Các Doanh nghiệp Công nghệ thông tin và Viễn thông**

Là nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

Tập trung nghiên cứu, phát triển các công nghệ nền tảng, các phần mềm, giải pháp ứng dụng CNTT, đẩy mạnh xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các ứng dụng trong các lĩnh vực mà huyện có thế mạnh như Nông nghiệp, Du lịch,...

Tiên phong nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm các công nghệ mới, dẫn dắt, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nâng cao ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể trong quá trình chuyển đổi số; hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng CNTT đã, đang và sẽ được triển khai trên địa bàn huyện.

## PHẦN IX

### TÍNH KHẢ THI VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

#### 1. Tính khả thi của đề án

Việc đánh giá tính khả thi của các dự án được nêu trong Đề án sẽ tuân thủ theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về việc quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

Huyện Ứng Hòa nói riêng, Thành phố Hà Nội và Việt Nam nói chung có khả năng kế thừa, phát huy các thành tựu, các bài học kinh nghiệm trong nước và quốc tế. Ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý, phát triển KTXH đã được nhiều nước trên thế giới áp dụng trong nhiều năm trở lại đây.

Sự quyết tâm chuyển đổi số toàn diện của toàn bộ hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương. Hiện nay, việc chuyển đổi số đang được Chính phủ đặc biệt quan tâm tạo điều kiện bởi vì chuyển đổi số thành công sẽ giúp thay đổi toàn diện, cơ bản công tác quản lý nhà nước và cách thức vận hành, hoạt động của doanh nghiệp, xã hội. Chính vì vậy, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Cùng với đó, Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 30/12/2022 của Thành ủy về Chuyển đổi số, xây dựng TP Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 27/9/2023 của UBND Thành phố về chuyển đổi số xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Nguồn nhân lực trong huyện (bao gồm nguồn nhân lực CNTT) trẻ, sáng tạo và thích ứng nhanh. Tỷ lệ thuê bao viễn thông, đặc biệt là sử dụng internet, điện thoại thông minh trong người dân, doanh nghiệp cao.

## **2. Hiệu quả của đề án**

### **2.1. Hiệu quả quản lý nhà nước**

Chuyển đổi số sử dụng dữ liệu và hệ thống công nghệ số nhằm thay đổi trải nghiệm người sử dụng với các DVC do Nhà nước cung cấp. Việc thay đổi hệ thống công nghệ cũng làm thay đổi nghiệp vụ, mô hình và phương thức hoạt động của bộ máy cơ quan nhà nước.

Chuyển đổi số cũng đang dần thay đổi nhận thức của những nhà lãnh đạo, những người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, có khả năng quyết định hướng đi và sự thành công của cơ quan, đơn vị và tổ chức. Hiện nay, các địa phương đã đầu tư rất nhiều vào hệ thống hạ tầng CNTT nhằm phục vụ cho quá trình chuyển đổi số trước những lợi ích mà nó đem lại. Chính quyền địa phương đang ứng dụng chuyển đổi số vào công tác xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới hình thành Chính quyền số. Đồng thời cũng đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng những thành tựu của chuyển đổi số vào quá trình vận hành kinh doanh doanh nghiệp.

Trước xu hướng đó, huyện Ứng Hòa cũng đang từng bước ứng dụng chuyển đổi số vào công tác quản lý và xây dựng chính quyền; khuyến khích các ngành/ngành, doanh nghiệp áp dụng chuyển đổi số trong tất cả lĩnh vực như: Chuyển đổi số doanh nghiệp, chuyển đổi số trong nông nghiệp, giáo dục, y tế, du lịch... và trong công tác truyền thông.

Tuy vậy, Chính quyền cũng cần phải cụ thể hóa quá trình chuyển đổi số của huyện cho phù hợp và nhất quán với định hướng phát triển kinh tế số - xã hội số của huyện và của Thành phố. Trên cơ sở đó, xây dựng các giải pháp chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng doanh nghiệp,... đảm bảo quá trình chuyển đổi số phục vụ công nghiệp hóa và tái cơ cấu nền kinh tế, trong đó các cơ quan nhà nước - doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt.

### **2.2. Hiệu quả về mặt kinh tế**

Có thể thấy rõ, chuyển đổi số mang rất nhiều lợi ích đối với doanh nghiệp, ví dụ như :

- Thu hẹp khoảng cách giữa các doanh nghiệp: Khi ứng dụng chuyển đổi số, sự liên kết thông tin giữa các doanh nghiệp được kết nối với một nền tảng hệ thống công nghệ đồng nhất. Mỗi doanh nghiệp vẫn có các phần mềm riêng để phục vụ cho nghiệp vụ chuyên môn nhưng vẫn có thể giao tiếp với các doanh nghiệp khác thông qua hệ thống nền tảng. Điều này sẽ giúp cho các vấn đề phát sinh trong từng doanh nghiệp được giải quyết ngay khi xảy ra, giúp cho sự vận hành trong các doanh nghiệp không bị tắc nghẽn không rõ nguyên nhân, gây tác động xấu đến doanh nghiệp.

- Tăng sự minh bạch và hiệu quả trong hệ thống quản trị doanh nghiệp: Tham gia quá trình chuyển đổi số, CEO của doanh nghiệp sẽ có thể chủ động và dễ truy xuất báo cáo về các hoạt động của doanh nghiệp. Mọi hoạt động của doanh nghiệp, như: nhân viên ghi nhận doanh số, biến động nhân sự, khách hàng tìm hiểu sản phẩm sẽ được thể hiện trên các phần mềm quản trị doanh nghiệp, điều này sẽ giúp giảm sự chậm trễ, giúp CEO quản lý doanh nghiệp hiệu quả và minh bạch hơn so với trước đó.

- Tối ưu hóa năng suất nhân viên: Chuyển đổi số sẽ giúp doanh nghiệp khai thác được tối đa năng lực làm việc của nhân viên trong công ty. Bởi những công việc có giá trị gia tăng thấp, hệ thống có thể tự động thực hiện mà doanh nghiệp không cần tốn chi phí trả lương cho nhân viên, đồng thời cũng giúp nhân viên có thêm thời gian để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện các công việc quan trọng khác. Chuyển đổi số cũng giúp người quản lý dễ dàng đánh giá chất lượng công việc thông qua số liệu báo cáo nhận lại cuối ngày, cuối tuần, cuối tháng hoặc cuối quý.

- Nâng cao khả năng cạnh tranh: Nếu doanh nghiệp sở hữu nền tảng số hóa sẽ có thể triển khai và vận hành doanh nghiệp hiệu quả, chính xác và chất lượng. Bởi các giải pháp quản trị và vận hành số hóa sẽ tăng tính hiệu quả và chính xác trong các quyết định của doanh nghiệp. Đồng thời, chuyển đổi số cũng giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong việc tương tác nhanh chóng với khách hàng, chính sách chăm sóc và phục vụ khách hàng,...

### **2.3. Hiệu quả về mặt xã hội**

Đối với người dân, chuyển đổi số đang dần tác động vào trong cuộc sống để có thể trải nghiệm các DVC hay các dịch vụ được cung cấp từ các doanh nghiệp ngày càng thuận tiện, nhanh chóng. Các giao dịch như: chuyển khoản, mua sắm trực tuyến,... hoàn toàn có thể thực hiện qua mạng mà không cần phải đến tận nơi thực hiện.

Dịch Covid-19 cũng giúp người dân nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số, bởi trong thời gian cách ly xã hội, người tiêu dùng buộc phải hạn chế ra đường; mọi giao dịch, các cuộc họp và xử lý công việc đều được thực hiện qua máy tính. Điều này bắt buộc người tiêu dùng phải có máy tính và hệ thống truyền tải mạng dữ liệu ổn định mới đáp ứng được nhu cầu của công việc.

Xu hướng chuyển đổi số đã tạo ra rất nhiều dịch vụ có ích cho người dân cũng như tận dụng một cách hiệu quả nguồn lực nhân rỗi của xã hội. Tuy nhiên, chuyển đổi số cũng tạo ra những mâu thuẫn, thay đổi cơ bản với mô hình kinh doanh truyền thống, bởi những thay đổi quan trọng trong chuỗi giá trị các ngành công nghiệp cũng như chuỗi cung ứng toàn cầu buộc các doanh nghiệp và mô

hình kinh doanh truyền thống phải có sự thay đổi mạnh mẽ để tồn tại và phát triển.

#### **2.4. Tác động của chuyển đổi số đến cuộc sống**

Chuyển đổi số hiện đang tác động vào công việc và cuộc sống hàng ngày của mỗi người dân với sức mạnh vô cùng lớn. Nó tác động vào tất cả các ngành công nghiệp, thách thức tất cả các công ty thuộc mọi loại hình và quy mô. Chuyển đổi kỹ thuật số là chủ đề quan tâm chính của những năm gần đây, đặc biệt trong giai đoạn cuộc sống hiện nay, giai đoạn dịch bệnh Covid - 19 với 3 xu hướng chuyển đổi số sau:

- Xu hướng thứ nhất, chuyển đổi số trong các dịch vụ sinh hoạt. Cuộc sống của chúng ta được trang bị các hệ thống dịch vụ hỗ trợ thông minh, các hệ thống dịch vụ này hỗ trợ chúng ta thực hiện các công việc trong cuộc sống một cách hiệu quả và thông minh nhất. Điều đó giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian và công sức bằng cách giao các nhiệm vụ như phối hợp, nghiên cứu hoặc phân tích dữ liệu cho các dịch vụ sinh hoạt tương ứng.

- Xu hướng thứ 2, chuyển đổi số trong công nghệ truyền thông. Các công nghệ mới cho phép mọi người khắp nơi trên thế giới giao tiếp với nhau một cách dễ dàng và thuận tiện. Điều này giúp họ kết nối với nhau chặt chẽ hơn, đảm bảo cho giúp đỡ nhau trong công việc hiệu quả hơn. Một người bất kỳ có thể tham gia vào cuộc đối thoại, nhờ có internet mà các cỗ máy có thể giao tiếp với nhau, cỗ máy có thể giao tiếp với con người. Công nghệ 4.0 mang lại rất nhiều tiềm năng và cơ hội lớn cho mỗi người dân.

- Xu hướng thứ 3, chuyển đổi số trong lưu thông thị trường. Với việc chuyển đổi số sẽ tác động đến tất cả các ngành công nghiệp, các doanh nghiệp có nhu cầu lớn về đổi mới và thay đổi. Trong cuộc cạnh tranh toàn cầu này, chỉ những doanh nghiệp có thể thích nghi và chủ động, tích cực nhất mới có thể tồn tại và phát triển.

Tác động to lớn của chuyển đổi số ngày nay và trong tương lai sẽ thay đổi cuộc sống, cách làm việc của mỗi người; các công ty khởi nghiệp sáng tạo và các tập đoàn kinh tế, kỹ thuật lớn sẽ là người điều khiển và chiến thắng công cuộc chuyển đổi số của đất nước.

## **PHẦN X: KẾT LUẬN**

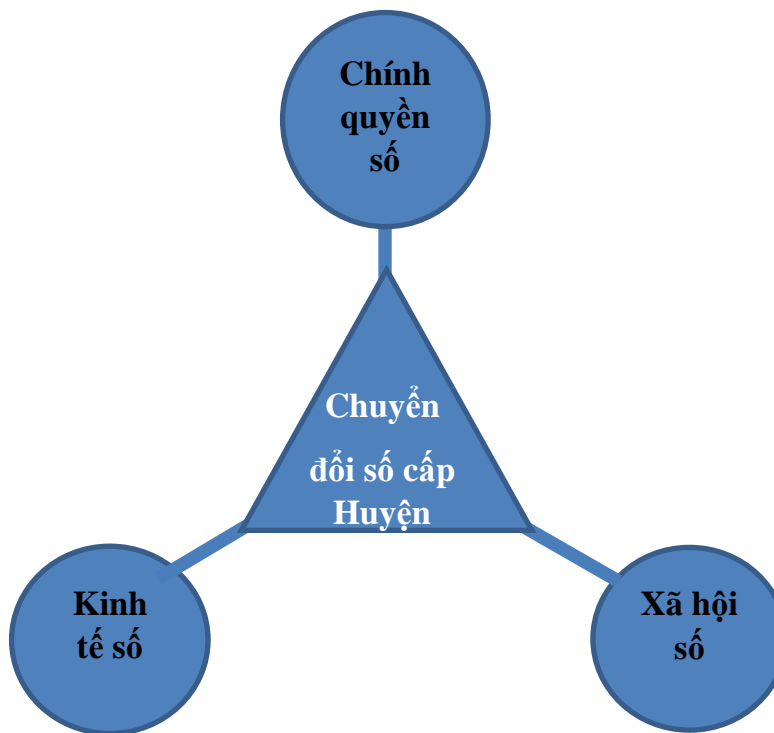
Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tác động mạnh mẽ đến toàn cầu, buộc Chính quyền, tất cả các tổ chức, doanh nghiệp phải đối mặt với những thách thức lớn, đòi hỏi những sự thay đổi để phù hợp trước sự tiến bộ của công nghệ, khoa học kỹ thuật.

Chuyển đổi số là tất yếu và vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong các lĩnh vực khác của xã hội như truyền thông đại chúng, y tế, giáo dục,...Chuyển đổi số là một quá trình dài với nhiều thách thức đặt ra buộc Chính quyền các cấp, doanh nghiệp và người dân phải thay đổi. Tuy nhiên, chuyển đổi số sẽ giúp Chính quyền ngày càng cải thiện chất lượng công việc của CBCC, viên chức, cải thiện DVC để phục vụ nhu cầu của người dân hiệu quả hơn. Chuyển đổi số cũng giúp doanh nghiệp tiết giảm được chi phí hoạt động bởi khả năng kết nối vô hạn của quá trình số hóa, không cần nguồn lực có sẵn. Do đó, cần nhanh chóng thực hiện chuyển đổi số để đáp ứng xu hướng hiện nay.

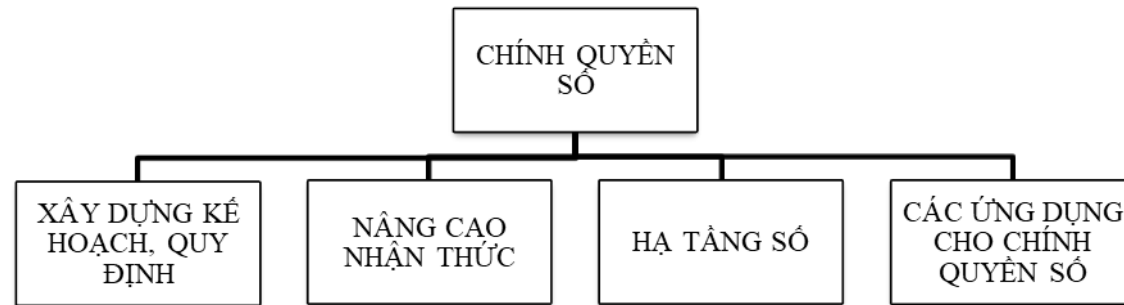
## PHỤ LỤC 1

### MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP HUYỆN

Chuyển đổi số cấp huyện gồm 03 trụ cột: Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số, theo mô hình dưới đây:



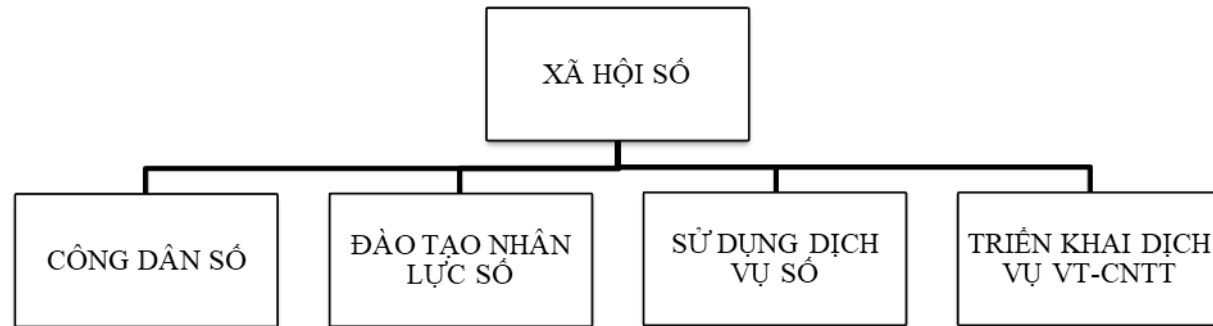
Hình 1: Mô hình Chuyển đổi số cấp huyện



Hình 2: Mô hình triển khai Chính quyền số



Hình 3: Mô hình triển khai Kinh tế số



Hình 4: Mô hình triển khai Xã hội số

**PHỤ LỤC 2**  
**DANH MỤC ĐỀ ÁN NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ HUYỆN ỦNG HÒA ĐẾN**  
**NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**  
**Lộ trình triển khai Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Lộ trình triển khai đề xuất	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
<b>I</b>	<b>Xây dựng các kế hoạch, quy định thúc đẩy Chuyển đổi số</b>					
1	CQS1		- Phối hợp với các Sở, ngành rà soát, bổ sung, ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác chuyển đổi số Huyện.	Hàng năm		
<b>II</b>	<b>Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số</b>					
2	CQS2		- Tổ chức tập huấn cho đội ngũ CBCC, viên chức: Tổ chức các lớp tập huấn cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; kiến thức an toàn thông tin; kỹ năng sử dụng công nghệ số; hướng dẫn sử dụng các phần mềm, hệ thống thông tin dùng chung của Thành phố, phần mềm nội bộ của huyện; hướng dẫn sử dụng chữ ký số và quy trình gửi, nhận văn bản điện tử trên hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; hướng dẫn thiết lập, cấu hình quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (dịch vụ công) trên hệ thống Cổng dịch vụ công của Thành phố; hướng dẫn nghiệp vụ quản trị, biên tập Trang thông tin điện tử nội bộ của huyện cho các lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức...	Hàng năm	500	Ngân sách huyện

STT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Lộ trình triển khai đề xuất	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
3	XHS		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về chuyển đổi số đến người dân:</li> <li>+ Tổ chức tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng về các kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin cá nhân; hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua, bán trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng các dịch vụ y tế, giáo dục thông minh,...</li> <li>+ Tổ chức các cuộc tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số thông qua các cuộc họp, các hội nghị của các tổ chức chính trị như Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh,....</li> <li>+ Khai thác, biên tập các bản tin để tuyên truyền về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử của Huyện, xã, phường, thị.</li> </ul>	Hàng năm	500	Ngân sách huyện
III	Xây dựng hạ tầng số					
4	CQS3		<p>Triển khai trong CQNN:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạng nội bộ (LAN) kết nối internet băng thông rộng:</li> <li>- Số hoá tài liệu hồ sơ công việc</li> <li>- Nâng cấp, bổ sung hệ thống thiết bị CNTT, hệ thống kiểm soát vào ra, tăng cường công tác an toàn thông tin mạng</li> <li>- Triển khai kho dữ liệu số kết hợp giải pháp điều hành thông minh cấp Huyện</li> <li>- Triển khai hệ thống Đài truyền thanh huyện, xã ứng dụng CNTT-VT theo chỉ đạo của Thành phố</li> <li>- Hệ thống phòng họp không giấy:</li> <li>- Hệ thống camera an ninh:</li> <li>- Hệ thống trợ lý ảo (chatbot) phục vụ cho Huyện</li> <li>- Hệ thống wifi công cộng miễn phí tại nhà văn hóa, UBND cấp huyện...</li> </ul>	2025 - 2026	90.000	Ngân TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác

STT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Lộ trình triển khai đề xuất	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
<b>IV</b>	<b>Đảm bảo an toàn an ninh mạng</b>					
5	CQS4		<p>Định kỳ hàng năm, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ tính riêng tư cá nhân cho CBCC trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn huyện</p> <p>- Duy trì đảm bảo giải pháp ATTT theo hướng dẫn mô hình “4 lớp”, bổ sung giải pháp phát hiện các dấu hiệu tấn công mạng IPS/IDS.</p> <p>- Trang bị bổ sung thiết bị firewall cho hệ thống LAN của UBND huyện và các xã, thị trấn trực thuộc.</p>	Hàng năm	2.000	Ngân sách huyện
<b>V</b>	<b>Chuyển đổi số ngành, lĩnh vực</b>					
7	CDS_TP		<p><b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực Tư pháp hộ tịch:</b></p> <p>- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành của ngành;</p> <p>- Tích hợp dữ liệu lên Trung tâm dữ liệu Thành phố và kho dữ liệu dùng chung của Huyện.</p>	2025 - 2030	5.000	Ngân TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác
8	CDS_GD		<p><b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục:</b></p> <p>- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành;</p> <p>- Đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại các nhà trường, giao dịch giữa phụ huynh, học sinh và Nhà trường, hệ thống CAM giám sát, điểm danh thông minh...</p> <p>- Tích hợp dữ liệu lên Trung tâm dữ liệu Thành phố và kho dữ liệu dùng chung của Huyện.</p>	2025 - 2030	20.000	Ngân sách thành phố hỗ trợ, ngân sách huyện và nguồn huy động hợp pháp khác

STT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Lộ trình triển khai đề xuất	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
9	CDS_YT		<p><b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành</li> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu đơn vị khám, chữa bệnh, tiêm chủng được cấp phép.</li> <li>- Phối hợp, nghiên cứu, triển khai Đẩy mạnh công tác triển khai hệ thống tư vấn khám chữa bệnh từ xa.</li> <li>- Tích hợp dữ liệu lên Trung tâm dữ liệu Thành phố và kho dữ liệu dùng chung của Huyện.</li> <li>- Tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng và nền tảng tư vấn, hỗ trợ chăm sóc tư vấn sức khoẻ từ xa.</li> </ul>	2025-2030	10.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác
10	CQS_NN		<p><b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành;</li> <li>- Tích hợp dữ liệu lên Trung tâm dữ liệu Thành phố và kho dữ liệu dùng chung của Huyện.</li> <li>- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.</li> <li>- Triển khai các công nghệ về truy xuất nguồn gốc, gắn với các sản phẩm, cây trồng, vật nuôi của người dân và các sản phẩm OCOP</li> <li>+ Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu của ngành về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản,... Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng.</li> <li>- Ứng dụng CNTT vào quản lý, phát triển ngành</li> <li>+ Đưa vào sử dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao quy trình theo hướng hữu cơ, GAP... thông qua các phần mềm hỗ trợ trồng trọt, nông lịch, hệ thống tưới tự động</li> <li>+ Sử dụng phần mềm trong công tác quảng bá, giới thiệu, quản lý, buôn bán sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp chủ lực.</li> <li>+ Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác,</li> </ul>	Hàng năm	2.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác

STT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Lộ trình triển khai đề xuất	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
			<p>an toàn, vệ sinh thực phẩm.</p> <p>- Nông nghiệp số: ứng dụng các công nghệ số kỹ thuật cao vào sản xuất nông nghiệp từ giai đoạn sản xuất đến tiêu thụ, các công nghệ cụ thể như: Tự động tưới tiêu cây trồng (với hệ thống cảm biến IoT thông minh, người nông dân có thể điều khiển tại chỗ, hoặc điều khiển từ xa qua máy tính, máy điện thoại thông minh có kết nối Internet; với mỗi loại cây trồng, hệ thống tự động điều chỉnh chính xác lượng nước, lượng phân tùy nhu cầu của cây từng giai đoạn); cánh đồng lúa thông minh; trồng rau bằng điện thoại thông minh...</p>			
11	CQS_VH		<p><b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hoá, du lịch:</b></p> <p>- Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành;</p> <p>- Tích hợp dữ liệu lên Trung tâm dữ liệu Thành phố và kho dữ liệu dùng chung của Huyện.</p> <p>- Xây dựng trang quảng bá di sản huyện, Ứng dụng Công nghệ số VA/VR, mã vạch, QR Code để quảng bá, phát triển du lịch tại các di tích, làng nghề, ẩm thực, cơ sở lưu trú, cơ sở y tế, kết hợp liên kết sản giao dịch TM giới thiệu sản phẩm OCCOP của địa phương;</p> <p>- Ứng dụng công nghệ Quét mã QR tìm hiểu lịch sử và thành toán không dùng tiền mặt tại tất cả các di tích.</p>	2025-2030	30.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác
12	CQS_Khác		<p><b>Chuyển đổi số trong các ngành khác:</b></p> <p>- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành của ngành;</p> <p>- Tích hợp dữ liệu lên Trung tâm dữ liệu Thành phố và kho dữ liệu dùng chung của Huyện;</p> <p>- Tăng cường ứng dụng CNTT, CDS trong hoạt động của ngành</p>	2025-2030	50.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác

**PHỤ LỤC 3**  
**DANH MỤC ĐỀ ÁN NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ HUYỆN ỨNG HÒA**  
**ƯU TIÊN TRIỂN KHAI NĂM 2025**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Lộ trình triển khai đề xuất	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
<b>I</b>	<b>Xây dựng các kế hoạch, quy định thúc đẩy Chuyển đổi số</b>					
1	CQS.1		Rà soát, kiến nghị, hoàn thiện, bổ sung, ban hành các văn bản, quy chế, quy định, hướng dẫn về công tác chuyển đổi số trên địa bàn huyện.	2025 và định hướng đến năm 2030	500	
<b>II</b>	<b>Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số</b>					
2	CQS.2.1		- Tổ chức tập huấn cho đội ngũ CBCC, viên chức: Tổ chức các lớp tập huấn cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; kiến thức an toàn thông tin; kỹ năng sử dụng công nghệ số; hướng dẫn sử dụng các phần mềm, hệ thống thông tin dùng chung của Thành phố, phần mềm nội bộ của huyện; hướng dẫn sử dụng chữ ký số và quy trình gửi, nhận văn bản điện tử trên hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; hướng dẫn thiết lập, cấu hình quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (dịch vụ công) trên hệ thống Công dịch vụ công của Thành phố; hướng dẫn nghiệp vụ quản trị, biên tập Trang thông tin điện tử nội bộ của huyện cho các lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức.	Hàng năm	500	Ngân sách huyện

STT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Lộ trình triển khai đề xuất	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
3	XHS2.1		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về chuyển đổi số đến người dân:</li> <li>+ Tổ chức tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng về các kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin cá nhân; hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua, bán trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng các dịch vụ y tế, giáo dục thông minh,...</li> <li>+ Tổ chức các cuộc tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số thông qua các cuộc họp, các hội nghị của các tổ chức chính trị như Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh,....</li> <li>+ Khai thác, biên tập các bản tin để tuyên truyền về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử của Huyện, xã, phường, thị.</li> </ul>	Hàng năm	500	Ngân sách huyện
<b>III</b>	<b>Xây dựng hạ tầng số</b>					
4	CQS3.1		<p>Triển khai trong CQNN:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hoá tài liệu hồ sơ công việc</li> <li>- Nâng cấp, bổ sung hệ thống thiết bị CNTT, hệ thống kiểm soát vào ra, tăng cường công tác an toàn thông tin mạng</li> <li>- Triển khai kho dữ liệu số và trung tâm giám sát điều hành thông minh - IOC cấp Huyện</li> <li>- Xây dựng hệ thống Đài phát thanh huyện, đài truyền thanh xã, thị trấn ứng dụng CNTT-VT</li> <li>- Triển khai hệ thống Hệ thống camera an ninh</li> </ul>	2025	400.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác
<b>IV</b>	<b>Nền tảng số dùng chung phục vụ điều hành</b>					
5	CQS4.1		<p><b>Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý chuyên ngành cấp huyện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai Kho dữ liệu dùng chung của Huyện:</li> <li>- Hệ thống trợ lý ảo (chatbot) phục vụ cho Huyện</li> </ul>	2025	20.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác

STT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Lộ trình triển khai đề xuất	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
<b>V</b>	<b>Đảm bảo an toàn an ninh mạng</b>					
6	CQS5.1		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định kỳ hàng năm, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ tính riêng tư cá nhân cho CBCC trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn huyện.</li> <li>- Duy trì đảm bảo giải pháp ATTT theo hướng dẫn mô hình “4 lớp”, bổ sung giải pháp phát hiện các dấu hiệu tấn công mạng IPS/IDS.</li> <li>- Trang bị bổ sung thiết bị firewall cho hệ thống LAN của UBND huyện và các xã, thị trấn trực thuộc.</li> </ul>	Hàng năm	10.000	Ngân sách huyện
<b>VI</b>	<b>Chuyển đổi số ngành, lĩnh vực</b>					
7	CQS6.1		<p><b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực Tư pháp hộ tịch:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành của ngành;</li> <li>- Tích hợp dữ liệu lên Trung tâm dữ liệu Thành phố và kho dữ liệu dùng chung của Huyện.</li> </ul>	2025	10.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác
8	CQS6.2		<p><b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành của ngành giáo dục;</li> </ul>	2025	10.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác
9	CQS6.3		<p><b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành của ngành</li> </ul>	2025	10.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác

STT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Lộ trình triển khai đề xuất	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
10	CQS6.4		<b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp:</b> - Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành;	Hàng năm	10.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác
11	CQS6.5		<b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hoá, du lịch:</b> - Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành; - Xây dựng trang quảng bá di sản huyện, Ứng dụng Công nghệ số VA/VR, mã vạch, QR Code để quảng bá, phát triển du lịch tại các di tích, làng nghề, ẩm thực, cơ sở lưu trú, cơ sở y tế, kết hợp liên kết sản giao dịch TM giới thiệu sản phẩm OCCOP của địa phương; - Ứng dụng công nghệ Quét mã QR tìm hiểu lịch sử và thành toán không dùng tiền mặt tại tất cả các di tích.	2025	10.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác
12	CQS6.6		<b>Chuyển đổi số trong các ngành khác:</b> - Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Số hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành của ngành;	2025	10.000	Ngân sách TP Hỗ trợ, ngân sách huyện, nguồn huy động hợp pháp khác